

	Có thể điền thông tin cá nhân và các chi tiết khác vào hầu hết các biểu mẫu hàng ngày, ví dụ: mở tài khoản ngân hàng, gửi thư có biên nhận, v.v.
<b>BẬC 1</b>	Có thể viết số và ngày, tên riêng, quốc tịch, địa chỉ, tuổi, ngày sinh hoặc ngày đến quốc gia, v.v. ví dụ như trên mẫu đăng ký phòng khách sạn. Có thể để lại một tin nhắn đơn giản cung cấp thông tin, ví dụ: đã đi đâu, thời gian sẽ trở lại. (ví dụ: "Mua sắm: trở lại lúc 5 giờ chiều").
<b>Tiền BẬC 1</b>	Có thể điền vào các mẫu rất đơn giản các chi tiết cá nhân cơ bản: tên, địa chỉ, quốc tịch, tình trạng hôn nhân.

#### 4.2.4. Viết tương tác: Giao dịch trực tuyến và hợp tác có mục đích

<b>GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN VÀ HỢP TÁC CÓ MỤC ĐÍCH</b>	
<b>BẬC 6</b>	Có thể giải quyết những hiểu lầm và xử lý hiệu quả những xích mích phát sinh trong quá trình hợp tác. Có thể cung cấp hướng dẫn và tăng tính chính xác cho công việc nhóm ở giai đoạn soạn thảo lại và chỉnh sửa.
<b>BẬC 5</b>	Có thể điều phối một nhóm đang làm dự án trực tuyến, xây dựng và sửa đổi các hướng dẫn chi tiết, đánh giá các đề xuất từ các thành viên trong nhóm và làm rõ chi tiết để hoàn thành công việc chung. Có thể xử lý các giao dịch trực tuyến phức tạp trong vai trò hỗ trợ dịch vụ (ví dụ: các ứng dụng có yêu cầu phức tạp), điều chỉnh ngôn ngữ linh hoạt để thảo luận và đàm phán. Có thể tham gia vào các dự án phức tạp đòi hỏi phải viết và soạn thảo lại cũng như cộng tác qua các hình thức trực tuyến khác, làm theo hướng dẫn hoặc chuyển tiếp các hướng dẫn một cách chính xác để đạt được mục tiêu. Có thể giải quyết hiệu quả các vấn đề giao tiếp và các vấn đề văn hóa phát sinh trong trao đổi hợp tác hoặc giao dịch trực tuyến bằng cách diễn đạt lại, làm rõ và minh họa thông qua các phương tiện truyền thông (hình ảnh, âm thanh, đồ họa).
<b>BẬC 4</b>	Có thể đóng vai trò lãnh đạo việc hợp tác trực tuyến trong (các) lĩnh vực chuyên môn của mình, giữ cho nhóm bám sát nhiệm vụ bằng cách nhắc nhở về vai trò, trách nhiệm và thời hạn để đạt được các mục tiêu đã đặt ra. Có thể tham gia trao đổi trực tuyến để hợp tác hoặc giao dịch trong (các) lĩnh vực chuyên môn đòi hỏi phải đàm phán điều kiện, giải thích các chi tiết phức tạp hoặc các yêu cầu đặc biệt. Có thể giải quyết những hiểu lầm và các vấn đề phát sinh trong trao đổi trực tuyến, hợp tác hoặc giao dịch bằng cách trả lời một cách lịch sự và

	<p>thích hợp để giúp giải quyết vấn đề.</p> <p>Có thể cộng tác trực tuyến với một nhóm đang làm dự án, biện giải các đề xuất, hỏi để hiểu rõ và hỗ trợ hoàn thành các nhiệm vụ chung.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể tham gia vào các giao dịch trực tuyến cần trao đổi thông tin kéo dài, miễn là người đối thoại tránh sử dụng ngôn ngữ phức tạp, sẵn sàng lặp lại và nói rõ khi cần thiết.</p> <p>Có thể tương tác trực tuyến với một nhóm đang làm dự án, làm theo các hướng dẫn đơn giản, hỏi để hiểu rõ và giúp hoàn thành các nhiệm vụ chung.</p> <p>Có thể tham gia vào các trao đổi hợp tác hoặc giao dịch trực tuyến yêu cầu làm rõ hoặc giải thích các chi tiết liên quan một cách đơn giản, chẳng hạn như đăng ký khóa học, chuyến du lịch, đăng ký sự kiện hoặc đăng ký thành viên.</p> <p>Có thể tương tác trực tuyến với một người hoặc một nhóm nhỏ làm dự án, miễn là có các phương tiện trực quan như hình ảnh, thống kê và đồ thị để làm rõ các khái niệm phức tạp hơn.</p> <p>Có thể trả lời các hướng dẫn hoặc đặt câu hỏi để hiểu rõ để hoàn thành công việc chung thông qua làm việc trực tuyến.</p>
<b>BẬC 2</b>	<p>Có thể sử dụng ngôn ngữ có sẵn để đáp ứng các vấn đề thông thường hay phát sinh trong các giao dịch trực tuyến (ví dụ: tính khả dụng của các mẫu hàng hoá và các ưu đãi đặc biệt, ngày giao hàng, địa chỉ, v.v.).</p> <p>Có thể tương tác trực tuyến với một người hỗ trợ để cùng làm một công việc đơn giản, trả lời các hướng dẫn cơ bản và hỏi để hiểu rõ, miễn là có một số phương tiện trực quan như hình ảnh, thống kê hoặc đồ thị để làm rõ các khái niệm liên quan.</p> <p>Có thể thực hiện các giao dịch trực tuyến đơn giản (chẳng hạn như đặt hàng hoặc đăng ký khóa học) bằng cách điền vào biểu mẫu hoặc bảng câu hỏi trực tuyến, cung cấp thông tin cá nhân, xác nhận các điều khoản và điều kiện, từ chối các dịch vụ bổ sung, v.v.</p> <p>Có thể đặt câu hỏi cơ bản về tính năng hoặc tính khả dụng của sản phẩm.</p> <p>Có thể trả lời các hướng dẫn đơn giản và đặt câu hỏi đơn giản để hoàn thành công việc chung qua phương tiện trực tuyến khi có người hỗ trợ.</p>
<b>BẬC 1</b>	<p>Có thể hoàn thành việc mua hàng hoặc ứng dụng trực tuyến rất đơn giản, cung cấp thông tin cá nhân cơ bản (như tên, địa chỉ, thư điện tử hoặc số điện thoại).</p>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<p>Có thể lựa chọn (ví dụ: chọn sản phẩm, kích thước, màu sắc) trong một mẫu đơn đăng ký hoặc mua hàng trực tuyến đơn giản, miễn là có hỗ trợ trực quan.</p>

### 4.3. Các chiến lược sản sinh

#### 4.3.1. Lên kế hoạch

<b>LÊN KẾ HOẠCH</b>	
<b>BẬC 6</b>	<i>Áp dụng đặc tả như Bậc 5</i>
<b>BẬC 5</b>	Có thể theo các quy ước của từng loại văn bản cụ thể có liên quan khi chuẩn bị viết văn bản trang trọng (ví dụ: quy ước về cấu trúc hoặc mức độ trang trọng).
<b>BẬC 4</b>	Có thể lên kế hoạch xem cần viết gì khi gặp tình huống phức tạp hoặc khó xử bằng cách suy nghĩ xem cách diễn đạt nào sẽ phù hợp khi gặp các trường hợp phản ứng khác nhau.
	Có thể soạn thảo nội dung viết/nói và cách viết/nói, đồng thời xem xét phản ứng từ phía người nhận.
<b>BẬC 3</b>	Có thể luyện tập các cụm từ và các cách diễn đạt mới, đồng thời mời ý kiến đóng góp.
	Có thể tìm ra cách truyền tải các điểm muốn diễn đạt, khai thác tài nguyên có sẵn, giới hạn nội dung ở những điểm có thể nhớ được hoặc tự tìm cách diễn đạt.
<b>BẬC 2</b>	Có thể nhớ lại và luyện tập một loạt các cụm từ thích hợp trong vốn từ vựng của mình.
<b>BẬC 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

#### 4.3.2. Sử dụng kỹ năng bù trừ (sử dụng cho cả Nói và Viết)

<b>KỸ NĂNG BÙ TRỪ</b>	
<b>BẬC 6</b>	Có thể dùng thuật ngữ tương đương thay thế cho từ không nhớ được trong câu đến mức người đối thoại không nhận ra được.
<b>BẬC 5</b>	Có thể dùng vốn từ vựng của mình một cách sáng tạo để dùng từ một cách dễ dàng và hiệu quả trong hầu hết mọi tình huống.
<b>BẬC 4</b>	Có thể diễn đạt vòng hoặc diễn đạt theo cách khác để bù vào phần từ vựng và cấu trúc không biết.
	Có thể giải quyết hầu hết các vấn đề trong giao tiếp bằng cách diễn đạt

	vòng hoặc tránh các cách diễn đạt khó.
<b>BẬC 3</b>	Có thể mô tả các đặc điểm của một vật cụ thể khi không nhớ được từ gọi tên vật đó. Có thể truyền đạt ý nghĩa bằng cách sử dụng một từ có nghĩa tương tự (ví dụ: một chiếc xe tải chở người = xe buýt).
	Có thể sử dụng một từ đơn giản có nghĩa tương tự như khái niệm muốn truyền đạt và hỏi để người khác “chỉnh lại”. Có thể tự chuyển thể một từ trong ngôn ngữ thứ nhất sang tiếng nước ngoài và yêu cầu người đối thoại xác nhận từ đó có trong ngôn ngữ đích không.
<b>BẬC 2</b>	Có thể sử dụng một từ chưa đúng nghĩa trong vốn từ vựng và sử dụng cử chỉ để làm rõ những gì muốn truyền đạt.
	Có thể diễn đạt ý muốn bằng cách chỉ vào đồ vật (ví dụ: “Tôi muốn cái này, làm ơn”).
<b>BẬC 1</b>	Có thể sử dụng cử chỉ để hỗ trợ diễn đạt các từ đơn giản nhằm thể hiện ý muốn.
<b>Tiền Bậc 1</b>	Có thể chỉ vào một cái gì đó và hỏi nó là gì.

#### 4.3.3. Xem xét và chỉnh sửa

<b>XEM XÉT VÀ CHỈNH SỬA</b>	
<b>BẬC 6</b>	Có thể diễn đạt/diễn đạt lại một ý khó theo cách khác tron tru đến mức người đối thoại gần như không nhận ra.
<b>BẬC 5</b>	Có thể nói lại khi gặp khó khăn trong diễn đạt và diễn đạt lại ý muốn nói mà không làm gián đoạn mạch nói. Có thể tự chỉnh sửa ngôn ngữ mình dùng một cách hiệu quả.
	Thường có thể tự sửa chữa bài viết của mình, thỉnh thoảng mắc lỗi không hệ thống và sai sót nhỏ trong cấu trúc câu.
<b>BẬC 4</b>	Có thể sửa chữa nếu nhận ra sai sót, hoặc nếu các sai sót dẫn đến hiểu lầm. Có thể ghi lại 'những lỗi hay gặp' và tự ý thức sửa chữa.
	Có thể sửa các sai sót về cách diễn đạt thời gian hoặc cách diễn đạt dẫn đến hiểu lầm miễn là người đối thoại chỉ ra vấn đề.
<b>BẬC 3</b>	Có thể yêu cầu xác nhận rằng một biểu mẫu được sử dụng là chính xác.

	Có thể bắt đầu lại bằng cách sử dụng một chiến thuật khác khi giao tiếp bị phá vỡ.
<b>BẬC 2</b>	<i>Không có đặc tả.</i>
<b>BẬC 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

## 5. KỸ NĂNG TRUNG GIAN

### 5.1. Đặc tả kỹ năng trung gian tổng quan

<b>KỸ NĂNG TRUNG GIAN TỔNG QUAN</b>	
<b>BẬC 6</b>	<p>Có thể làm trung gian một cách hiệu quả và tự nhiên, đóng nhiều vai tùy thuộc vào nhu cầu của những người tham gia cũng như bối cảnh, nhận ra các sắc thái và ý ngầm để định hướng một cuộc thảo luận tế nhị hoặc nhạy cảm.</p> <p>Có thể dùng ngôn ngữ trôi chảy, mạch lạc, cấu trúc rõ ràng để trình bày bằng chứng và luận điểm, truyền tải một cách chính xác các quan điểm đánh giá và gần như toàn bộ các sắc thái, và chỉ ra các cách ngụ ý thường dùng trong văn hóa xã hội (ví dụ như giọng điệu, lời nói giảm nói tránh, lời nói trớ trêu, nói mỉa mai).</p>
<b>BẬC 5</b>	<p>Có thể làm trung gian một cách hiệu quả, giúp duy trì tương tác tích cực bằng cách diễn giải các quan điểm khác nhau, hạn chế việc không rõ ý, dự kiến những tình huống hiểu nhầm và can thiệp một cách ngoại giao để chuyển hướng cuộc hội thoại. Có thể xây dựng quan điểm dựa trên các đóng góp khác nhau trong một cuộc thảo luận, thúc đẩy tư duy lý luận bằng nhiều câu hỏi. Có thể truyền tải trôi chảy và rõ ràng các ý tưởng có giá trị, các quan điểm đánh giá và hầu hết các sắc thái bằng ngôn ngữ chuẩn tắc trong các văn bản dài và phức tạp, dù có thể không liên quan đến lĩnh vực mình quan tâm.</p>
<b>BẬC 4</b>	<p>Có thể tạo lập môi trường hỗ trợ việc chia sẻ ý tưởng và có thể họp bàn các vấn đề nhạy cảm, tôn trọng các quan điểm khác nhau, khuyến khích mọi người nghiên cứu vấn đề và tự điều chỉnh cách diễn đạt một cách nhạy bén. Có thể đề xuất cách tiến hành dựa trên ý tưởng của người khác. Có thể truyền tải nội dung chính của các văn bản mạch lạc song dài và khó về các đề tài thuộc lĩnh vực chuyên môn, học thuật và lĩnh vực quan tâm chính, làm rõ quan điểm và mục tiêu của các diễn giả.</p> <p>Có thể phối hợp làm việc cùng những người không cùng kiến thức nền, tạo bầu không khí tích cực bằng cách hỗ trợ, hỏi các câu hỏi nhằm xác</p>

	<p>định mục tiêu chung, cùng so sánh các lựa chọn giải quyết mục tiêu và có thể giải thích các đề xuất cho các bước tiếp theo. Có thể phát triển thêm ý tưởng của người khác, đặt các câu hỏi nhằm gợi mở các câu trả lời từ nhiều góc nhìn và đề xuất giải pháp hoặc các bước làm tiếp theo. Có thể truyền tải thông tin chi tiết và các lý lẽ tranh luận một cách đáng tin cậy, ví dụ như truyền tải các điểm chính của một văn bản phức tạp song có cấu trúc mạch lạc thuộc lĩnh vực chuyên môn, học thuật và lĩnh vực quan tâm chính.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể phối hợp làm việc cùng những người không cùng kiến thức nền, thể hiện sự chú ý và thái độ cảm thông bằng việc hỏi cũng như trả lời các câu hỏi đơn giản, đưa ra các gợi ý và trả lời các gợi ý của người khác, hỏi để xem người khác có đồng ý hay không, và đề xuất các hướng tiếp cận khác. Có thể truyền tải ý chính trong các văn bản dài dùng ngôn ngữ không quá phức tạp về chủ đề mình quan tâm, với điều kiện là có thể tự kiểm tra nghĩa của các cách diễn đạt cụ thể.</p>
	<p>Có thể giới thiệu nhiều người có kiến thức nền khác nhau, ý thức được rằng có một số câu hỏi có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, đồng thời mời mọi người chia sẻ kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm, và quan điểm. Có thể truyền tải thông tin nằm trong các văn bản mang tính chất cung cấp thông tin có cấu trúc mạch lạc, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hoặc nằm trong lĩnh vực mình quan tâm, hoặc các chủ đề thuộc lĩnh vực quan tâm hiện thời, kể cả khi gặp hạn chế về ngôn từ gây khó khăn trong diễn đạt.</p>
<b>BẬC 2</b>	<p>Có thể đóng vai trò hỗ trợ trong việc giao tiếp, nếu những người tham gia hội thoại nói chậm và một (hoặc nhiều) người tham gia có giúp đỡ đóng góp và gợi ý. Có thể truyền tải thông tin liên quan trong các đoạn văn bản nhằm cung cấp thông tin có nội dung ngắn, đơn giản, có cấu trúc rõ ràng, nếu như văn bản đề cập tới các chủ đề quen thuộc, dễ nắm bắt và sử dụng ngôn ngữ đơn giản hàng ngày.</p>
	<p>Có thể dùng các từ đơn giản để yêu cầu người khác giải thích. Có thể nhận thấy khi gặp khó khăn trong giao tiếp và dùng ngôn ngữ đơn giản để diễn đạt bản chất của vấn đề. Có thể truyền tải ý chính của các đoạn hội thoại ngắn và đơn giản hoặc của các đoạn văn bản về các chủ đề thường nhật thuộc về lĩnh vực quan tâm gần gũi nếu như ngôn ngữ đơn giản và thể hiện rõ nội dung.</p>
<b>BẬC 1</b>	<p>Có thể diễn đạt thông tin đơn giản và ký hiệu giao tiếp phi ngôn ngữ để thể hiện sự hứng thú với một ý tưởng nhất định. Có thể truyền tải các thông tin cơ bản, dễ đoán thuộc lĩnh vực quan tâm gần gũi được đưa ra trong các biển báo, thông báo, tờ rơi và các chương trình ngắn gọn, đơn giản.</p>

<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>
-----------------------	-------------------------

## 5.2. Truyền tải thông tin cụ thể bằng lời nói

<b>TRUYỀN TẢI THÔNG TIN CỤ THỂ BẰNG LỜI NÓI</b>	
<b>BẬC 6</b>	<i>Áp dụng đặc tả như Bậc 5</i>
<b>BẬC 5</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích xem thông tin cụ thể trong một văn bản dài, phức tạp được viết bằng Ngôn ngữ A có liên quan như thế nào.
<b>BẬC 4</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải các bài thuyết trình được trình bày bằng Ngôn ngữ A tại một hội nghị, những bài viết trong một cuốn sách được viết bằng Ngôn ngữ A đặc biệt phù hợp cho một mục đích cụ thể. Có thể chuyển ngữ sang Ngôn ngữ B những bài thuyết trình bằng Ngôn ngữ A tại hội nghị, hoặc xác định được những bài viết phù hợp với mục đích cụ thể trong sách sử dụng Ngôn ngữ A.
	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải (các) điểm chính có trong thư từ chính thức và/hoặc báo cáo về các chủ đề chung và về các chủ đề liên quan đến lĩnh vực quan tâm của mình được viết bằng Ngôn ngữ A.
<b>BẬC 3</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải nội dung của các thông báo công cộng và thông điệp được nói một cách rõ ràng, chuẩn mực bằng Ngôn ngữ A ở tốc độ bình thường. Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải nội dung của các chỉ dẫn hoặc hướng dẫn chi tiết, được trình bày rõ ràng bằng Ngôn ngữ A. Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải thông tin cụ thể trong các văn bản thông tin đơn giản (như tờ rơi, mục tài liệu quảng cáo, thông báo, thư tay hoặc thư điện tử) được viết bằng Ngôn ngữ A.
	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải những ý chính trong thông báo được phát rõ ràng bằng Ngôn ngữ A về các chủ đề quen thuộc hàng ngày, mặc dù đôi khi cần đơn giản hóa nội dung và tìm từ ngữ phù hợp. Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải thông tin hữu ích trong các văn bản sử dụng Ngôn ngữ A một cách ngắn gọn, dễ hiểu như các chỉ dẫn trên nhãn mác, thông báo về những chủ đề thường gặp
<b>BẬC 2</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải những ý chính trong các thông báo, hướng dẫn ngắn gọn, rõ ràng bằng Ngôn ngữ A khi người nói nói chậm và dùng ngôn ngữ đơn giản.

	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải một cách đơn giản các hướng dẫn ngắn bằng Ngôn ngữ A, miễn là người nói phát âm rõ ràng và chậm rãi.
<b>BẬC 1</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải thông tin đơn giản, dễ đoán về thời gian và địa điểm từ những câu ngắn trong Ngôn ngữ A.
<b>Tiền Bậc 1</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải các chỉ dẫn đơn giản về địa điểm và thời gian bằng Ngôn ngữ A khi được nhắc lại rất chậm và rõ ràng. Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải những thông tin rất cơ bản (như số lượng, giá cả) từ văn bản ngắn, đơn giản, có hình minh họa trong Ngôn ngữ A.

### 5.3. Truyền tải thông tin cụ thể bằng văn viết

<b>TRUYỀN TẢI THÔNG TIN CỤ THỂ BẰNG VĂN VIẾT</b>	
<b>BẬC 6</b>	<i>Áp dụng đặc tả như Bậc 4.</i>
<b>BẬC 5</b>	<i>Áp dụng đặc tả như Bậc 4.</i>
<b>BẬC 4</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B truyền tải tóm tắt mức độ liên quan của các bài thuyết trình hội nghị đang dùng Ngôn ngữ A, chỉ ra phần nào đáng nghiên cứu kỹ. Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải các ý quan trọng trong văn bản phức tạp viết bằng Ngôn ngữ A có cấu trúc rõ ràng thuộc lĩnh vực chuyên môn, học thuật hoặc sở thích cá nhân.
	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải những điểm chính trong bài báo bằng Ngôn ngữ A trong tạp chí học thuật hoặc chuyên ngành. Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải các quyết định quan trọng được đưa ra trong cuộc họp bằng Ngôn ngữ A. Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải những điểm chính trong thư từ chính thức bằng Ngôn ngữ A.
	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải các thông tin cụ thể trong bài nói dùng Ngôn ngữ A về chủ đề quen thuộc (như điện thoại, thông báo, hướng dẫn). Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải thông tin cụ thể, hữu ích trong văn bản thông tin đơn giản dùng Ngôn ngữ A viết về chủ đề quen thuộc.

	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải thông tin cụ thể từ tin nhắn ghi âm đơn giản bằng Ngôn ngữ A, miễn là chủ đề quen thuộc và phát âm chậm, rõ ràng.
<b>BẬC 2</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền tải thông tin cụ thể trong văn bản thông tin ngắn, đơn giản bằng Ngôn ngữ A về chủ đề quen thuộc, được viết bằng ngôn ngữ hàng ngày.
	Có thể liệt kê trong Ngôn ngữ B những điểm chính của các thông điệp và thông báo ngắn, rõ ràng, đơn giản dùng Ngôn ngữ A miễn là lời nói được phát âm rõ ràng và chậm rãi.
	Có thể liệt kê bằng Ngôn ngữ B thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản được viết bằng Ngôn ngữ A về các chủ đề hàng ngày được quan tâm hoặc mật thiết.
	Có thể ghi lại bằng Ngôn ngữ B những ý chính của thông báo ngắn gọn, rõ ràng bằng Ngôn ngữ A khi người nói phát âm rõ và chậm.  Có thể ghi lại bằng Ngôn ngữ B thông tin cụ thể trong văn bản đơn giản Ngôn ngữ A về chủ đề hàng ngày hoặc cần ngay.
<b>BẬC 1</b>	Có thể ghi chép lại (bằng Ngôn ngữ B) tên, số lượng, giá cả và các thông tin rất đơn giản cần thiết khi được nói bằng Ngôn ngữ A, khi người nói phát âm rất chậm, rõ và lặp lại.
<b>Tiền Bậc 1</b>	Có thể ghi chép lại bằng Ngôn ngữ B tên, số lượng, giá cả và thông tin rất đơn giản cần thiết từ văn bản Ngôn ngữ A được viết đơn giản và có hình minh họa.

#### 5.4. Diễn giải số liệu dưới hình thức nói

<b>DIỄN GIẢI SỐ LIỆU DƯỚI HÌNH THỨC NÓI</b>	
<b>BẬC 6</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và mô tả rõ ràng, đáng tin cậy các dạng dữ liệu thực nghiệm khác nhau và thông tin được tổ chức trực quan với văn bản bằng Ngôn ngữ A từ nghiên cứu phức tạp về mặt khái niệm liên quan đến các chủ đề học thuật hoặc chuyên môn.
<b>BẬC 5</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và mô tả một cách rõ ràng, đáng tin cậy các điểm nổi bật và chi tiết có trong sơ đồ phức tạp và thông tin được tổ chức trực quan khác với văn bản bằng Ngôn ngữ A về các chủ đề học thuật hoặc chuyên môn.
<b>BẬC 4</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và mô tả chính xác thông tin chi tiết có trong các sơ đồ, biểu đồ phức tạp và thông tin được tổ chức trực

	quan khác với văn bản bằng Ngôn ngữ A về các chủ đề trong lĩnh vực mà họ quan tâm.
<b>BẬC 3</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và mô tả thông tin chi tiết trong sơ đồ trong lĩnh vực quan tâm với văn bản bằng Ngôn ngữ A, mặc dù có thể nói không liền mạch để tìm từ hoặc dựng câu chưa chính xác.
	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và mô tả các xu hướng tổng thể được thể hiện trong các sơ đồ đơn giản (ví dụ: đồ thị, biểu đồ thanh) trong văn bản bằng Ngôn ngữ A, mặc dù các hạn chế từ vựng đôi khi gây khó khăn cho việc dựng câu.
<b>BẬC 2</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và mô tả các hình ảnh đơn giản về chủ đề quen thuộc (như bản đồ thời tiết, sơ đồ cơ bản) trong văn bản Ngôn ngữ A, dù có thể ngập ngừng, lờ lờ ở đầu câu và sửa lại khá nhiều.
<b>BẬC 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

### 5.5. Diễn giải số liệu bằng văn viết

<b>DIỄN GIẢI SỐ LIỆU BẰNG VĂN VIẾT</b>	
<b>BẬC 6</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và trình bày bằng văn bản các dạng dữ liệu thực nghiệm khác nhau (khác với văn bản bằng Ngôn ngữ A) từ nghiên cứu phức tạp về mặt khái niệm liên quan đến các chủ đề học thuật hoặc chuyên môn.
<b>BẬC 5</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và trình bày rõ ràng và đáng tin cậy các điểm nổi bật, có liên quan trong các sơ đồ phức tạp và dữ liệu trực quan khác (với văn bản bằng Ngôn ngữ A) về các chủ đề học thuật hoặc chuyên môn phức tạp.
<b>BẬC 4</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và trình bày đáng tin cậy bằng văn bản thông tin chi tiết từ sơ đồ và dữ liệu trực quan trong các lĩnh vực quan tâm của mình (với văn bản bằng Ngôn ngữ A).
<b>BẬC 3</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích và trình bày bằng văn bản các xu hướng tổng thể được thể hiện trong các sơ đồ đơn giản (ví dụ: đồ thị, biểu đồ thanh) (với văn bản bằng Ngôn ngữ A), giải thích các điểm quan trọng chi tiết hơn, với sự trợ giúp của từ điển hoặc các tài liệu tham khảo khác.
	Có thể dùng Ngôn ngữ B để mô tả bằng các câu đơn giản các sự kiện chính được hiển thị trong hình ảnh về các chủ đề quen thuộc (ví dụ: bản đồ thời tiết, biểu đồ/sơ đồ quy trình cơ bản) (với văn bản bằng Ngôn ngữ A).

<b>BẬC 2</b>	<i>Không có đặc tả.</i>
<b>BẬC 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

### 5.6. Xử lý văn bản nói

<b>XỬ LÝ VĂN BẢN NÓI</b>	
<b>BẬC 6</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích các suy luận khi các liên kết hoặc hàm ý trong Ngôn ngữ A không rõ ràng và chỉ ra ý nghĩa văn hóa xã hội của hình thức biểu đạt của người nói/người viết (ví dụ: hình thức nói nhỏ, trớ trêu, mỉa mai).
<b>BẬC 5</b>	<p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt các đoạn nói dài, đòi hỏi khắt khe từ Ngôn ngữ A.</p> <p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt cuộc thảo luận từ Ngôn ngữ A về vấn đề thuộc lĩnh vực học thuật hoặc chuyên môn của mình, nêu và xem xét các quan điểm khác nhau, đồng thời chỉ ra những điểm quan trọng nhất.</p> <p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để trình bày rõ ràng, có hệ thống những ý chính từ đoạn nói phức tạp từ Ngôn ngữ A thuộc lĩnh vực chuyên môn khác, mặc dù đôi khi cần tra cứu các khái niệm kỹ thuật cụ thể.</p> <p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích sự khác biệt tinh tế trong cách trình bày sự việc và lập luận từ Ngôn ngữ A.</p> <p>Có thể khai thác thông tin và lập luận từ đoạn nói phức tạp bằng Ngôn ngữ A để dùng Ngôn ngữ B thảo luận chủ đề một cách trôi chảy, có nhận xét đánh giá và bổ sung ý kiến riêng.</p> <p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để giải thích thái độ hoặc quan điểm được thể hiện trong đoạn nói dùng Ngôn ngữ A về chủ đề chuyên ngành, kèm theo những suy luận có căn cứ dựa trên các đoạn thông tin cụ thể trong bản gốc.</p>
<b>BẬC 4</b>	<p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những điểm quan trọng trong các đoạn nói dài hơn, phức tạp, trực tiếp từ Ngôn ngữ A về các chủ đề quan tâm hiện tại, bao gồm cả các lĩnh vực quan tâm đặc biệt.</p> <p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những điểm chính của các cuộc thảo luận phức tạp bằng Ngôn ngữ A, đồng thời cân nhắc các quan điểm khác nhau được trình bày.</p>

	<p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để tổng hợp và trình bày thông tin và lập luận từ nhiều nguồn nói hoặc viết bằng Ngôn ngữ A.</p> <p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt nhiều loại đoạn nói bằng Ngôn ngữ A từ thực tế đến hư cấu, nhận xét và phân tích các quan điểm đối lập cũng như chủ đề chính.</p> <p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những ý quan trọng trong đoạn nói dài, phức tạp bằng Ngôn ngữ A về chủ đề đang quan tâm, bao gồm cả các lĩnh vực được quan tâm đặc biệt.</p> <p>Có thể nhận biết đối tượng hướng tới của đoạn nói trong Ngôn ngữ A về chủ đề quan tâm, và giải thích bằng Ngôn ngữ B mục đích, thái độ cũng như quan điểm của tác giả.</p> <p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những đoạn trích tin tức, phỏng vấn hoặc phim tài liệu có chứa ý kiến, lập luận và thảo luận bằng Ngôn ngữ A.</p> <p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt và bình luận về cốt truyện và chuỗi sự kiện trong phim hoặc kịch bằng Ngôn ngữ A.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những ý chính trong đoạn nói dài được nói bằng Ngôn ngữ A về chủ đề quan tâm, miễn là dùng ngôn ngữ chuẩn và có thể tra nghĩa của một số cách diễn đạt nhất định.</p> <p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt một câu chuyện hoặc bài viết ngắn, cuộc trò chuyện, thảo luận, phỏng vấn hoặc phim tài liệu bằng Ngôn ngữ A, đồng thời trả lời thêm các câu hỏi chi tiết khác.</p> <p>Có thể đối chiếu các thông tin ngắn từ nhiều nguồn trong Ngôn ngữ A và tóm tắt lại bằng Ngôn ngữ B cho người khác.</p> <p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những ý chính trong đoạn nói rõ ràng, có cấu trúc được nói bằng Ngôn ngữ A về chủ đề quen thuộc hoặc quan tâm, mặc dù đôi khi hạn chế về từ vựng gây khó khăn cho việc diễn đạt.</p> <p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt đơn giản nội dung thông tin chính từ đoạn nói dễ hiểu (được viết bằng Ngôn ngữ A) về chủ đề quen thuộc (như bài phỏng vấn ngắn, bài báo tạp chí, tài liệu du lịch).</p> <p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những ý chính trong cuộc trò chuyện nói bằng ngôn ngữ A về chủ đề quan tâm hoặc chủ đề thời sự, miễn là người nói phát âm rõ ràng bằng ngôn ngữ chuẩn.</p>

	<p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những ý chính trong bài nói dài được nói bằng Ngôn ngữ A về chủ đề quan tâm, miễn là dùng ngôn ngữ chuẩn và có thể nghe lại nhiều lần.</p> <p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những ý hoặc sự kiện chính trong chương trình truyền hình và video được nói bằng Ngôn ngữ A, miễn là được xem lại nhiều lần.</p>
<b>BẬC 2</b>	<p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để trình bày những ý chính trong tin tức truyền hình hoặc đài phát thanh đơn giản được nói bằng Ngôn ngữ A về sự kiện, thể thao, tai nạn, v.v., miễn là chủ đề quen thuộc và phát âm chậm, rõ ràng.</p> <p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để trình bày thông tin từ đoạn nói ngắn, dễ hiểu, có cấu trúc rõ ràng trong Ngôn ngữ A kèm hình minh họa hoặc bảng biểu đơn giản quen thuộc bằng các câu đơn giản.</p> <p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để tóm tắt những ý chính trong đoạn nói có thông tin ngắn gọn, đơn giản từ Ngôn ngữ A về các chủ đề quen thuộc.</p> <p>Có thể dùng Ngôn ngữ B để truyền đạt những ý chính trong đoạn nói ngắn, đơn giản, có cấu trúc rõ ràng từ tiếng A, đồng thời dùng các phương tiện khác bổ sung cho vốn từ hạn chế (như cử chỉ, hình vẽ, sử dụng từ vay mượn từ ngôn ngữ khác).</p>
<b>BẬC 1</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B truyền đạt thông tin đơn giản, cơ bản từ các biển báo, thông báo ngắn, áp phích và chương trình rất dễ hiểu được nói bằng Ngôn ngữ A.
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

### 5.7. Dịch nói văn bản viết

<b>DỊCH NÓI VĂN BẢN VIẾT</b>	
<b>BẬC 6</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để dịch nói trôi chảy các văn bản trừu tượng được viết trong Ngôn ngữ A về một loạt các chủ đề quan tâm cá nhân, học thuật và chuyên môn, truyền đạt thành công các lập luận và đánh giá, bao gồm các sắc thái và ý nghĩa liên quan.
<b>BẬC 5</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để dịch nói một cách trôi chảy các văn bản viết phức tạp trong Ngôn ngữ A về một loạt các chủ đề chung và chuyên ngành, nắm bắt hầu hết các sắc thái.
<b>BẬC 4</b>	Có thể dùng Ngôn ngữ B để dịch nói các văn bản phức tạp được viết bằng Ngôn ngữ A chứa thông tin và lập luận về các chủ đề trong lĩnh vực chuyên môn, học thuật và sở thích cá nhân của mình.

<b>BẬC 3</b>	Có thể dịch nói các văn bản được viết bằng Ngôn ngữ A chứa thông tin và lập luận về các chủ đề trong lĩnh vực chuyên môn, học thuật và cá nhân của mình, được viết bằng ngôn ngữ tiêu chuẩn, không phức tạp sang ngôn ngữ B một cách tương đối.
	Có thể dịch nói gần đúng các văn bản thông tin rõ ràng, có cấu trúc tốt được viết bằng Ngôn ngữ A về các chủ đề quen thuộc hoặc quan tâm cá nhân sang ngôn ngữ B một cách tương đối, mặc dù những hạn chế về từ vựng đôi khi gây khó khăn cho việc đọc câu dịch.
<b>BẬC 2</b>	Có thể dịch nói gần đúng các văn bản ngắn, đơn giản hàng ngày (ví dụ: mục tài liệu quảng cáo, thông báo, hướng dẫn, thư hoặc thư điện tử) được viết bằng Ngôn ngữ A sang ngôn ngữ B một cách tương đối và đơn giản.
	Có thể dịch nói các văn bản ngắn, đơn giản (ví dụ: thông báo về các chủ đề quen thuộc) được viết bằng Ngôn ngữ A sang ngôn ngữ B một cách tương đối và đơn giản, nắm bắt điểm quan trọng nhất. Có thể dịch nói các chủ đề quen thuộc hàng ngày được viết bằng các câu đơn giản bằng Ngôn ngữ A (ví dụ: tin tức cá nhân, tường thuật ngắn, chỉ đường, thông báo hoặc hướng dẫn) sang ngôn ngữ B một cách tương đối và đơn giản.
<b>BẬC 1</b>	Có thể dịch các từ và cụm từ đơn giản, hàng ngày được viết bằng Ngôn ngữ A trên các biển hiệu và thông báo, áp phích, chương trình, tờ rơi, v.v. sang ngôn ngữ B một cách tương đối và đơn giản.
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

### 5.8. Dịch viết văn bản viết

<b>DỊCH VIẾT VĂN BẢN VIẾT</b>	
<b>BẬC 6</b>	Có thể dịch từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B tài liệu kỹ thuật ngoài lĩnh vực chuyên môn của mình, miễn là có chuyên gia trong lĩnh vực kiểm tra độ chính xác.
<b>BẬC 5</b>	Có thể dịch từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B các văn bản trừu tượng được viết về các chủ đề xã hội, học thuật và chuyên môn trong lĩnh vực của mình, truyền đạt thành công các khía cạnh và lập luận đánh giá, bao gồm nhiều hàm ý liên quan đến chúng, mặc dù một số cách diễn đạt có thể bị ảnh hưởng quá mức bởi bản gốc.
<b>BẬC 4</b>	Có thể dịch từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B và tạo ra các bản dịch có cấu trúc rõ ràng, sử dụng ngôn ngữ thông thường nhưng có thể bị ảnh

	<p>hường quá mức bởi trật tự, cách chia đoạn, dấu câu và các cách dựng câu của bản gốc.</p> <p>Có thể dịch sang Ngôn ngữ B, bám sát cấu trúc câu và đoạn văn của văn bản gốc của Ngôn ngữ A, truyền đạt chính xác các điểm chính của văn bản gốc, mặc dù đọc bản dịch có thể còn thấy thô.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể dịch từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B gần đúng các văn bản đơn giản, thực tế được viết bằng ngôn ngữ tiêu chuẩn, không phức tạp, bám sát cấu trúc của bản gốc; mặc dù có thể còn lỗi ngôn ngữ nhưng bản dịch vẫn dễ hiểu.</p>
	<p>Có thể dịch gần đúng từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B thông tin chứa trong các văn bản ngắn, thực tế và được viết bằng ngôn ngữ tiêu chuẩn, không phức tạp; mặc dù có lỗi, bản dịch vẫn dễ hiểu.</p>
<b>BẬC 2</b>	<p>Có thể sử dụng ngôn ngữ đơn giản để dịch gần đúng từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B các văn bản rất ngắn về các chủ đề quen thuộc hàng ngày có chứa từ vựng thường dùng nhất; bản dịch dù có lỗi vẫn hiểu được.</p>
<b>BẬC 1</b>	<p>Có thể dùng từ điển và dịch các từ và cụm từ đơn giản từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B, nhưng có thể không phải lúc nào cũng chọn nghĩa thích hợp.</p>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<p><i>Không có đặc tả.</i></p>

### 5.9. Ghi chú

<b>GHI CHÚ (BÀI GIẢNG, HỘI THẢO, CUỘC HỌP, V.V.)</b>	
<b>BẬC 6</b>	<p>Có thể ghi chú (hoặc ghi biên bản) khi tham gia cuộc họp hoặc hội thảo một cách đáng tin cậy cho những người không có mặt, ngay cả khi chủ đề phức tạp hoặc không quen thuộc.</p> <p>Có thể nhận biết để ghi lại nghĩa ẩn dụ và nghĩa ám chỉ của nội dung nói song song với các từ được người nói dùng.</p> <p>Có thể ghi chú có chọn lọc, diễn giải và viết tắt để nắm bắt các khái niệm trừu tượng và liên hệ giữa các ý tưởng.</p>
<b>BẬC 5</b>	<p>Có thể ghi chú các chi tiết trong một bài giảng về các chủ đề trong lĩnh vực quan tâm, ghi lại thông tin rất chính xác và gần với bản gốc để người khác cũng có thể sử dụng các ghi chú.</p> <p>Có thể quyết định xem cần ghi chú nội dung gì và bỏ qua nội dung gì trong khi bài giảng hoặc hội thảo đang diễn ra, kể cả khi chủ đề không quen thuộc.</p>

	Có thể chọn các thông tin và lập luận chi tiết và có liên quan trong các chủ đề phức tạp, trừu tượng từ nhiều nguồn nói (ví dụ: bài giảng, podcast, thảo luận và tranh luận chính thức, phỏng vấn, v.v.), miễn là giọng đọc có tốc độ bình thường và quen thuộc với người nghe.
<b>BẬC 4</b>	Có thể hiểu một bài giảng có cấu trúc rõ ràng về một chủ đề quen thuộc và có thể ghi chú vào những điểm quan trọng, mặc dù hay tập trung vào cấu trúc câu và bỏ lỡ một số thông tin. Có thể ghi chú chính xác trong các cuộc họp và hội thảo về hầu hết các chủ đề xuất hiện trong lĩnh vực quan tâm.
<b>BẬC 3</b>	Có thể ghi chú bài giảng đủ chính xác để sau đó dùng riêng, miễn là chủ đề nằm trong lĩnh vực quan tâm và bài giảng rõ ràng và có hệ thống. Có thể ghi các điểm chính trong một bài giảng đơn giản thành các đề mục, miễn là chủ đề quen thuộc, bài giảng có ngôn ngữ đơn giản và được đọc rõ ràng. Có thể ghi lại các chỉ đạo thông thường khi họp về chủ đề quen thuộc, miễn là ngôn ngữ đơn giản và người ghi có đủ thời gian để ghi chép.
<b>BẬC 2</b>	Có thể ghi chú đơn giản khi nghe một bài thuyết trình/diễn thuyết khi chủ đề quen thuộc, dễ dự đoán và người thuyết trình giải thích rõ và chò ghi chép.
<b>BẬC 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

### 5.10. Thể hiện phản hồi cá nhân đối với các văn bản sáng tạo

<b>THỂ HIỆN PHẢN HỒI CÁ NHÂN ĐỐI VỚI CÁC VĂN BẢN SÁNG TẠO (BAO GỒM CẢ VĂN HỌC)</b>	
<b>BẬC 6</b>	<i>Không có đặc tả cho bậc 6</i>
<b>BẬC 5</b>	Có thể mô tả chi tiết cách giải thích cá nhân về một tác phẩm, nêu rõ phản ứng của mình đối với những đặc điểm văn học nhất định và giải thích tầm quan trọng của chúng. Có thể diễn giải sơ bộ mang tính cá nhân về một nhân vật trong tác phẩm: về trạng thái tâm lý/cảm xúc của họ, động cơ thúc đẩy hành động và hậu quả của những hành động đó.



<b>BẬC 4</b>	<p>Có thể trình bày rõ ràng về phản ứng của đối với một tác phẩm, phát triển ý tưởng của và hỗ trợ chúng bằng các ví dụ và lập luận.</p> <p>Có thể đưa ra giải thích cá nhân của mình về sự phát triển của cốt truyện, các nhân vật và chủ đề trong một câu chuyện, tiểu thuyết, phim hoặc vở kịch.</p> <p>Có thể mô tả phản ứng cảm xúc của mình đối với một tác phẩm và giải thích chi tiết về lý do tạo nên các phản ứng này.</p> <p>Có thể mô tả chi tiết về phản ứng của mình đối với hình thức thể hiện, văn phong và nội dung của một tác phẩm, giải thích tại sao lại đánh giá cao tác phẩm đó.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể giải thích tại sao lại quan tâm đến một số phần hoặc một số khía cạnh của một tác phẩm.</p> <p>Có thể giải thích chi tiết về nhân vật ấn tượng nhất và tại sao.</p> <p>Có thể liên hệ các sự kiện trong một câu chuyện, bộ phim hoặc vở kịch với các sự kiện tương tự mà mình đã trải qua hoặc nghe nói đến.</p> <p>Có thể liên hệ những cảm xúc mà một nhân vật trải qua trong một tác phẩm với những cảm xúc mà mình đã trải qua.</p> <p>Có thể mô tả những cảm xúc mà mình đã trải qua tại một thời điểm nhất định trong một câu chuyện, ví dụ: (các) tình tiết trong câu chuyện làm mình lo lắng cho một nhân vật và giải thích lý do tại sao.</p> <p>Có thể giải thích ngắn gọn những cảm xúc và ý kiến về một tác phẩm ưa thích.</p> <p>Có thể bày tỏ phản ứng của mình đối với một tác phẩm, báo cáo cảm xúc và ý tưởng của mình bằng ngôn ngữ đơn giản.</p> <p>Có thể mô tả tính cách của một nhân vật.</p> <p>Có thể mô tả cảm xúc của một nhân vật và giải thích lý do</p>
<b>BẬC 2</b>	<p>Có thể diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản để thuật lại các cảm xúc và suy nghĩ của mình về một tác phẩm.</p> <p>Có thể trình bày bằng ngôn ngữ đơn giản một số khía cạnh của một tác phẩm mà mình đặc biệt quan tâm. Có thể diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản điều mình thích và không thích về một tác phẩm và lý giải nguyên nhân.</p>
<b>BẬC 1</b>	<p>Có thể sử dụng các từ và cụm từ đơn giản để diễn đạt cảm xúc của mình về một tác phẩm.</p>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<p><i>Không có đặc tả.</i></p>

### 5.11. Phân tích và phê bình các văn bản sáng tạo

<b>PHÂN TÍCH VÀ PHÊ BÌNH CÁC VĂN BẢN SÁNG TẠO (BAO GỒM CẢ VĂN HỌC)</b>	
<b>BẬC 6</b>	<p>Có thể đánh giá phê bình các tác phẩm của các thời kỳ và thể loại khác nhau (tiểu thuyết, thơ và kịch), đánh giá cao sự khác biệt tinh tế về phong cách và ý nghĩa ngầm cũng như hiển minh.</p> <p>Có thể nhận ra những sắc thái tinh tế của ngôn ngữ đa nghĩa, hiệu ứng tu từ và cách sử dụng ngôn ngữ mang tính phong cách (như ẩn dụ, cú pháp khác thường, tính mơ hồ), diễn giải và "làm sáng tỏ" các nghĩa và hàm ý.</p> <p>Có thể đánh giá phê bình cách thức khai thác cấu trúc, ngôn ngữ và các biện pháp tu từ trong một tác phẩm nhằm mục đích cụ thể, đồng thời đưa ra lập luận có cơ sở về sự phù hợp và hiệu quả của chúng.</p> <p>Có thể đánh giá phê bình một cách sâu sắc những sự vi phạm có chủ ý các quy ước ngôn ngữ trong một tác phẩm văn học.</p>
<b>BẬC 5</b>	<p>Có thể đánh giá phê bình nhiều loại văn bản bao gồm các tác phẩm văn học thuộc các thời kỳ và thể loại khác nhau.</p> <p>Có thể đánh giá mức độ một tác phẩm tuân thủ các quy ước của thể loại của nó.</p> <p>Có thể mô tả và nhận xét về cách thức mà tác phẩm thu hút người đọc/khán giả (ví dụ: bằng cách cho họ kỳ vọng và lật ngược các kỳ vọng đó).</p>
<b>BẬC 4</b>	<p>Có thể so sánh hai tác phẩm, xem xét các chủ đề, nhân vật và bối cảnh, khám phá những điểm tương đồng cũng như tương phản và giải thích sự liên quan kết nối giữa chúng.</p> <p>Có thể đưa ra ý kiến hợp lý về một tác phẩm, thể hiện nhận thức về các đặc điểm chủ đề, cấu trúc, hình thức; có thể tham khảo ý kiến và lập luận của người khác.</p> <p>Có thể đánh giá cách thức các tác phẩm khuyến khích sự đồng cảm với nhân vật, và đưa ra ví dụ.</p> <p>Có thể mô tả sự khác biệt của các tác phẩm khác nhau khi xử lý cùng một chủ đề.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể chỉ ra các tình tiết và sự kiện quan trọng nhất trong một câu chuyện có cấu trúc rõ ràng bằng ngôn ngữ hàng ngày và giải thích tầm quan trọng của các sự kiện và mối liên hệ giữa chúng.</p> <p>Có thể mô tả các chủ đề và nhân vật chính trong các câu chuyện ngắn liên quan đến các tình huống quen thuộc được viết bằng ngôn ngữ hàng ngày được sử dụng với tần suất cao.</p>

<b>BẬC 2</b>	Có thể xác định và mô tả ngắn gọn, bằng các diễn đạt cố định cơ bản, các chủ đề và nhân vật chính trong các câu chuyện ngắn, đơn giản liên quan đến các tình huống quen thuộc được viết bằng ngôn ngữ hàng ngày được sử dụng với tần suất cao.
<b>BẬC 1</b>	<i>Không có đặc tả</i>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

### 5.12. Tạo điều kiện tương tác hợp tác giữa các thành viên

<b>TẠO ĐIỀU KIỆN TƯƠNG TÁC HỢP TÁC GIỮA CÁC THÀNH VIÊN</b>		
	<b>QUẢN LÝ TƯƠNG TÁC</b>	<b>KHUYẾN KHÍCH THẢO LUẬN Ý TƯỞNG</b>
<b>BẬC 6</b>	<p>Có thể đảm nhận các vai trò khác nhau theo nhu cầu của người tham gia và yêu cầu của hoạt động (chuyên gia, hướng dẫn thảo luận, giám sát viên, v.v.) và cung cấp hỗ trợ cá nhân phù hợp.</p> <p>Có thể nhận ra ảnh hưởng ngầm trong tương tác và thực hiện các bước thích hợp phù hợp để hướng dẫn hướng của cuộc nói chuyện.</p>	<p>Có thể dẫn dắt hiệu quả sự phát triển của các ý tưởng trong một cuộc thảo luận về các chủ đề trừu tượng phức tạp, điều hướng cuộc nói chuyện bằng cách đưa ra các câu hỏi và khuyến khích người tham gia giải thích lập luận của họ.</p>
<b>BẬC 5</b>	<p>Có thể tổ chức một chuỗi đa dạng và cân bằng giữa công việc chung toàn bộ, nhóm và cá nhân, đảm bảo chuyển tiếp suôn sẻ giữa các giai đoạn.</p> <p>Có thể can thiệp một cách khéo léo để chuyển hướng nói chuyện, giảm thiểu vai trò lấn lướt của một số cá nhân, hoặc xử lý các hành vi gây rối</p>	<p>Có thể đưa ra một loạt các câu hỏi mở dựa trên những đóng góp khác nhau để kích thích lý luận logic (ví dụ: giả thuyết, suy luận, phân tích, biện minh và dự đoán).</p>
	<p>Có thể tổ chức và quản lý công việc nhóm hợp tác một cách hiệu quả.</p> <p>Có thể giám sát công việc cá nhân và nhóm mà không can thiệp quá sâu; có thể xử lý để giúp các nhóm quay lại thực hiện nhiệm vụ hoặc để đảm bảo sự tham gia một cách đồng đều giữa các thành viên.</p>	<p>Có thể khuyến khích các thành viên của một nhóm mô tả và giải thích suy nghĩ của họ.</p> <p>Có thể khuyến khích các thành viên của một nhóm dựa trên thông tin và ý tưởng của nhau để đưa ra một khái niệm hoặc giải pháp.</p>

<b>BẬC 4</b>	Có thể can thiệp một cách hỗ trợ để hướng sự chú ý của mọi người vào các khía cạnh của nhiệm vụ bằng cách đặt câu hỏi bám sát mục tiêu và mời mọi người đưa ra đề xuất.	
	<p>Có thể giải thích các vai trò khác nhau của những người tham gia trong quá trình hợp tác, đưa ra hướng dẫn rõ ràng cho công việc nhóm.</p> <p>Có thể giải thích các quy tắc cơ bản trong thảo luận hợp tác trong các nhóm nhỏ liên quan đến giải quyết vấn đề hoặc đánh giá các đề xuất thay thế.</p> <p>Có thể can thiệp khi cần thiết để thiết lập một nhóm quay lại thực hiện nhiệm vụ với các hướng dẫn mới hoặc khuyến khích mọi người tham gia đồng đều hơn.</p>	<p>Có thể đưa ra các câu hỏi và phản hồi để khuyến khích mọi người mở rộng suy nghĩ và biện minh hoặc làm rõ ý kiến của họ.</p> <p>Có thể xây dựng dựa trên ý tưởng của mọi người và liên kết chúng thành các dòng suy nghĩ mạch lạc.</p> <p>Có thể yêu cầu mọi người giải thích một ý tưởng phù hợp với chủ đề chính đang thảo luận.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể phân bổ lượt lời trong một cuộc thảo luận, mời một người tham gia nói điều gì đó.</p>	<p>Có thể yêu cầu mọi người giải thích chi tiết về những điểm cụ thể mà họ đã giải thích trước đó.</p> <p>Có thể đặt câu hỏi thích hợp để kiểm tra sự hiểu biết về các khái niệm đã được giải thích. Có thể đặt câu hỏi để mời mọi người trình bày rõ lý do của họ.</p>
	Có thể đưa ra hướng dẫn đơn giản, rõ ràng để tổ chức một hoạt động.	Có thể hỏi tại sao mọi người nghĩ như vậy, hoặc họ nghĩ điều đó sẽ diễn ra như thế nào.
<b>BẬC 2</b>	Có thể đưa ra hướng dẫn rất đơn giản cho một nhóm hợp tác, miễn là có sự trợ giúp cần thiết.	Có thể hỏi ai đó nghĩ gì về một ý tưởng nào đó.
<b>BẬC 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>	Có thể sử dụng các từ đơn giản, cô lập và tín hiệu phi ngôn ngữ để thể hiện sự quan tâm đến một ý tưởng.
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>	<i>Không có đặc tả.</i>

## 5.13. Tạo điều kiện thúc đẩy đa văn hóa

<b>TẠO ĐIỀU KIỆN THÚC ĐẨY ĐA VĂN HÓA</b>	
<b>BẬC 6</b>	<p>Có thể trao đổi hiệu quả và tự nhiên giữa các thành viên trong cộng đồng của mình và các cộng đồng khác, có tính đến sự khác biệt về văn hóa xã hội và ngôn ngữ xã hội.</p> <p>Có thể hướng dẫn một cuộc thảo luận nhạy cảm một cách hiệu quả, nhận diện được các sắc thái tinh tế và các ngụ ý, dòng chảy ngầm trong các ý tưởng.</p>
<b>BẬC 5</b>	<p>Có thể đóng vai trò trung chuyển ngôn ngữ trong các cuộc gặp gỡ liên văn hóa, đóng góp vào văn hóa giao tiếp được chia sẻ bằng cách giảm thiểu sự mơ hồ, đưa ra lời khuyên và hỗ trợ và tránh những hiểu lầm.</p> <p>Có thể dự đoán cách mọi người có thể hiểu sai những gì đã được nói hoặc viết và giúp duy trì sự tương tác tích cực bằng cách bình luận và giải thích các quan điểm văn hóa khác nhau về vấn đề liên quan.</p>
<b>BẬC 4</b>	<p>Có thể khai thác kiến thức về các quy ước văn hóa xã hội để thiết lập sự đồng thuận về cách tiến hành trong một tình huống cụ thể không quen thuộc với mọi người liên quan.</p> <p>Có thể thể hiện sự đánh giá cao các quan điểm khác với thế giới quan bình thường của chính mình và thể hiện theo cách phù hợp với bối cảnh, trong các cuộc gặp gỡ liên văn hóa.</p> <p>Có thể làm rõ những hiểu lầm và diễn giải sai trong các cuộc gặp gỡ liên văn hóa, giải thích cách hiểu đúng cho các nội dung bị hiểu sai nhằm xoa dịu bầu không khí và đẩy cuộc thảo luận tiến triển.</p> <p>Có thể khuyến khích văn hóa giao tiếp chung bằng cách thể hiện sự hiểu biết và đánh giá cao những ý tưởng, cảm xúc và quan điểm khác nhau, đồng thời mời những người tham gia đóng góp và trao đổi ý tưởng với nhau.</p> <p>Có thể hợp tác với những người có định hướng văn hóa khác nhau, thảo luận về những điểm tương đồng và khác biệt trong quan điểm.</p> <p>Khi cộng tác với những người từ các nền văn hóa khác, có thể điều chỉnh cách thức làm việc của họ để tạo ra các quy trình chung.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể hỗ trợ giao tiếp giữa các nền văn hóa bằng cách bắt đầu cuộc trò chuyện, thể hiện sự quan tâm và đồng cảm bằng cách hỏi và trả lời các câu hỏi đơn giản, đồng thời bày tỏ sự đồng ý và hiểu biết.</p> <p>Có thể hỗ trợ trong các cuộc gặp gỡ liên văn hóa, nhận ra cảm xúc và thế giới quan khác nhau của các thành viên khác trong nhóm.</p>

	<p>Có thể hỗ trợ trao đổi liên văn hóa bằng cách sử dụng vốn ngôn ngữ và văn hóa hạn chế để giới thiệu mọi người từ các nền văn hóa khác nhau và đặt ra các câu hỏi cũng như trả lời các câu hỏi; có thể nhận thức được một số câu hỏi có thể được cảm nhận khác nhau trong các nền văn hóa khác nhau.</p> <p>Có thể giúp phát triển văn hóa giao tiếp chung, bằng cách trao đổi thông tin một cách đơn giản về các giá trị và thái độ đối với ngôn ngữ và văn hóa.</p>
<b>BẬC 2</b>	Có thể đóng góp vào một cuộc trao đổi liên văn hóa, sử dụng những từ đơn giản để yêu cầu mọi người giải thích và làm rõ những gì họ nói, trong khi khai thác vốn ngôn ngữ và văn hóa hạn chế của mình để bày tỏ sự đồng ý, mời, cảm ơn, v.v.
<b>BẬC 1</b>	Có thể tạo điều kiện cho một cuộc trao đổi liên văn hóa diễn ra bằng cách thể hiện sự chào đón và quan tâm thông qua những từ đơn giản và tín hiệu phi ngôn ngữ, bằng cách mời người khác nói chuyện và bằng cách cho họ biết liệu mình có hiểu không khi giao tiếp trực tiếp.
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

#### 5.14. Đóng vai trò trung gian trong các tình huống không trang trọng

<b>ĐÓNG VAI TRÒ TRUNG GIAN TRONG CÁC TÌNH HUỐNG KHÔNG TRANG TRỌNG (VỚI BẠN BÈ VÀ ĐỒNG NGHIỆP)</b>	
<b>BẬC 6</b>	Có thể truyền đạt rõ ràng, trôi chảy, mạch lạc từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B ý nghĩa của lời nói về nhiều chủ đề chung và chuyên biệt, giữ được phong cách phù hợp, chuyển tải sắc thái tinh tế và nhạy cảm với hàm ý văn hóa xã hội.
<b>BẬC 5</b>	Có thể truyền đạt trôi chảy từ Ngôn ngữ A sang Ngôn ngữ B ý nghĩa của lời nói về nhiều chủ đề quan tâm cá nhân, học thuật và nghề nghiệp, chuyển tải thông tin quan trọng rõ ràng, chính xác cũng như giải thích các yếu tố văn hóa.
<b>BẬC 4</b>	Có thể làm trung gian giữa Ngôn ngữ A và Ngôn ngữ B, truyền đạt thông tin chi tiết, thu hút sự chú ý của cả hai bên vào thông tin cốt lõi và tín hiệu văn hóa xã hội, đồng thời đặt câu hỏi hoặc làm rõ khi cần thiết.
	Có thể truyền đạt sang Ngôn ngữ B ý nghĩa của lời chào, giai thoại hoặc bài trình bày trong lĩnh vực chuyên môn bằng Ngôn ngữ A, diễn giải tín

	<p>hiệu văn hóa phù hợp và giải thích thêm khi cần, miễn là người nói dừng lại thường xuyên.</p> <p>Có thể truyền đạt sang Ngôn ngữ B ý nghĩa của lời nói Ngôn ngữ A về chủ đề quan tâm, chuyên tải và khi cần giải thích tầm quan trọng của những phát biểu và quan điểm chính, miễn là người nói làm rõ nếu cần.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể truyền đạt sang Ngôn ngữ B các nội dung chính từ Ngôn ngữ A về chủ đề quan tâm, chuyên tải thông tin thực tế đơn giản và yếu tố văn hóa rõ ràng, miễn là được chuẩn bị trước và người nói dùng ngôn ngữ hàng ngày một cách rõ ràng.</p>
	<p>Có thể truyền đạt sang Ngôn ngữ B các nội dung chính từ Ngôn ngữ A về chủ đề bản thân quan tâm, tuân thủ quy tắc lịch sự quan trọng, miễn là người đối thoại nói rõ bằng ngôn ngữ chuẩn và bản thân có thể yêu cầu người nói làm rõ ý hoặc dừng lại để suy nghĩ.</p>
<b>BẬC 2</b>	<p>Có thể truyền đạt sang Ngôn ngữ B ý nghĩa khái quát nội dung lời nói từ Ngôn ngữ A trong tình huống hàng ngày, tuân thủ quy ước văn hóa cơ bản và chuyên tải thông tin cần thiết, miễn là người đối thoại phát âm rõ bằng ngôn ngữ chuẩn và có thể xin người nói nhắc lại hoặc làm rõ thông tin.</p>
	<p>Có thể truyền đạt sang Ngôn ngữ B ý chính của lời nói từ Ngôn ngữ A trong tình huống hàng ngày; có thể trao đổi thông tin về mong muốn và nhu cầu cá nhân, miễn là người đối thoại có thiện chí hỗ trợ.</p>
<b>BẬC 1</b>	<p>Có thể truyền đạt sang Ngôn ngữ B thông tin cá nhân và thông tin rất đơn giản, sẵn có bằng Ngôn ngữ A, miễn là người đối thoại sẵn lòng hỗ trợ.</p>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<p><i>Không có đặc tả.</i></p>

### 5.15. Tạo điều kiện giao tiếp trong các tình huống tế nhị và bất đồng

<b>TẠO ĐIỀU KIỆN GIAO TIẾP TRONG CÁC TÌNH HUỐNG TẾ NHỊ VÀ BẤT ĐỒNG</b>	
<b>BẬC 6</b>	<p>Biết cách ứng xử khéo léo với người hay gây chuyện, đưa ra những nhận xét phù hợp với hoàn cảnh và tôn trọng văn hóa.</p> <p>Giữ vững quan điểm về những vấn đề quan trọng nhưng vẫn tôn trọng ý kiến người khác.</p>

<b>BẬC 5</b>	<p>Thể hiện sự thấu hiểu các quan điểm khác nhau, nhắc lại và diễn giải để cho thấy hiểu rõ yêu cầu của mỗi bên.</p> <p>Có thể đặt câu hỏi khéo léo để tìm ra điểm cốt lõi trong quan điểm của mỗi bên và những gì họ có thể chấp nhận nhượng bộ.</p> <p>Có thể dùng lời lẽ thuyết phục để gợi ý các bên xem xét lại quan điểm của mình.</p>
<b>BẬC 4</b>	<p>Có thể gợi ý những giải pháp khả thi bằng cách đặt câu hỏi mở, trung lập để tránh làm các bên bối rối hay khó chịu.</p> <p>Có thể giúp các bên hiểu nhau hơn bằng cách diễn đạt lại quan điểm của họ rõ ràng hơn và ưu tiên những gì họ thực sự cần.</p> <p>Có thể tóm tắt chính xác những gì đã thống nhất và trách nhiệm của mỗi bên.</p> <p>Có thể đặt câu hỏi để tìm ra điểm chung và khuyến khích mỗi bên đề xuất giải pháp.</p> <p>Có thể nêu được những điểm chính trong tranh cãi một cách chính xác và giải thích rõ quan điểm các bên. Tóm tắt lời của hai bên, chỉ ra chỗ nào đồng ý và chỗ nào còn khó khăn.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể yêu cầu các bên giải thích quan điểm và phản hồi ngắn gọn nếu chủ đề quen thuộc và các bên nói rõ ràng.</p> <p>Có thể hiểu được vấn đề chính trong tranh cãi về chủ đề quen thuộc và đặt câu hỏi đơn giản để xác nhận hoặc làm rõ.</p>
<b>BẬC 2</b>	Có thể nhận ra khi có bất đồng hoặc khó khăn xảy ra và dùng những câu đơn giản đã biết để tìm sự thỏa hiệp.
<b>BẬC 1</b>	Có thể nhận biết khi ai đó có vấn đề và dùng từ ngữ đơn giản như "Tôi hiểu", "Bạn ổn chứ?" để thể hiện sự quan tâm.
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

### 5.16. Chiến lược giải thích một khái niệm mới

CHIẾN LƯỢC GIẢI THÍCH MỘT KHÁI NIỆM MỚI			
	<b>LIÊN KẾT VỚI KIẾN THỨC TRƯỚC ĐÓ</b>	<b>THAY ĐỔI NGÔN NGỮ</b>	<b>CHIA NHỎ THÔNG TIN PHỨC TẠP</b>

<b>BẬC 6</b>	Có thể giới thiệu những khái niệm phức tạp (như khái niệm khoa học) bằng cách đưa ra định nghĩa và giải thích chi tiết dựa trên những gì người nghe đã biết trước đó.	Có thể điều chỉnh ngôn ngữ của hầu hết các thể loại văn bản để trình bày nội dung chính trong từng thể loại văn bản, mức độ tinh tế và chi tiết phù hợp với các đối tượng độc giả/thính giả liên quan.	Có thể giúp người khác hiểu một vấn đề phức tạp bằng cách giải thích mối quan hệ giữa các chi tiết với tổng thể và khuyến khích các cách khác nhau để tiếp cận các nội dung này.
<b>BẬC 5</b>	Có thể đặt một chuỗi câu hỏi tự nhiên để khuyến khích mọi người nhớ lại kiến thức cũ về vấn đề trừu tượng và giúp họ liên kết với những gì sắp được giải thích.	<p>Có thể giải thích thuật ngữ kỹ thuật và các khái niệm khó khi giao tiếp với những người không phải là chuyên gia về các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn của mình.</p> <p>Có thể điều chỉnh ngôn ngữ của mình (ví dụ: cú pháp, thành ngữ, biệt ngữ) để làm cho một chủ đề chuyên môn phức tạp có thể tiếp cận được với những người nghe/người đọc không quen thuộc với chủ đề chuyên môn đó.</p> <p>Có thể diễn giải và giải thích các văn bản kỹ thuật/tài liệu chuyên môn với nhiều thuật ngữ phức tạp; có thể sử dụng ngôn ngữ phi kỹ thuật (không dùng thuật ngữ chuyên môn) phù hợp cho người nghe/đọc không có kiến thức chuyên môn.</p>	Có thể giúp người khác hiểu một vấn đề phức tạp bằng cách làm nổi bật và phân loại các điểm chính, trình bày chúng theo một mô hình kết nối logic và củng cố thông điệp bằng cách lặp lại các khía cạnh chính theo những cách khác nhau.
<b>BẬC 4</b>	Có thể giải thích rõ ràng mối liên hệ giữa mục tiêu của buổi họp với sở thích, kinh	Có thể giải thích các chủ đề kỹ thuật trong lĩnh vực của mình, sử dụng ngôn ngữ phi kỹ thuật phù hợp	Có thể làm cho một vấn đề phức tạp dễ hiểu hơn bằng cách trình

	<p>nghiệm cá nhân hoặc công việc của người tham gia.</p>	<p>cho người nghe/đọc không có kiến thức chuyên môn.</p> <p>Có thể làm cho một mẫu thông tin cụ thể, phức tạp trong lĩnh vực của rõ ràng hơn và rõ ràng hơn cho người khác bằng cách diễn giải nó bằng ngôn ngữ đơn giản hơn.</p>	<p>bày riêng rẽ từng thành phần của lập luận đó.</p>
	<p>Có thể đặt câu hỏi và phản hồi để khuyến khích mọi người kết nối với kiến thức và kinh nghiệm đã có.</p> <p>Có thể giải thích khái niệm hoặc quy trình mới bằng cách so sánh với những gì mọi người đã quen thuộc.</p>	<p>Có thể làm cho người khác có thể truy cập được nội dung chính của văn bản nói hoặc viết về một chủ đề quan tâm (ví dụ: một bài luận, một cuộc thảo luận trên diễn đàn, một bài thuyết trình) bằng cách diễn giải bằng ngôn ngữ đơn giản hơn.</p>	<p>Có thể làm cho một quá trình phức tạp dễ hiểu hơn bằng cách chia nó thành một loạt các bước nhỏ hơn.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể giải thích cách vận hành của một thiết bị bằng những ví dụ từ cuộc sống hàng ngày, quen thuộc với mọi người.</p>	<p>Có thể diễn giải đơn giản hơn các điểm chính trong các văn bản ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc (ví dụ: các bài báo tạp chí ngắn, các cuộc phỏng vấn) để làm cho nội dung dễ hiểu với người khác.</p>	<p>Có thể làm cho một văn bản hướng dẫn hoặc thông tin ngắn dễ hiểu hơn bằng cách trình bày nó dưới dạng danh sách từng điểm riêng biệt.</p>
	<p>Có thể liên hệ giữa thông tin mới với những gì mọi người đã biết bằng cách đặt những câu hỏi đơn giản.</p>	<p>Có thể diễn giải các đoạn văn ngắn một cách đơn giản, sử dụng thứ tự ban đầu của văn bản.</p>	<p>Có thể làm cho một chuỗi hướng dẫn dễ hiểu hơn bằng cách lặp lại thông tin một cách chậm rãi, mỗi lần chỉ nói từng cụm từ, nhấn mạnh bằng</p>

			lời nói và điệu bộ để giúp người nghe hiểu rõ hơn.
<b>BẬC 2</b>	<i>Không có đặc tả.</i>	Có thể lặp lại điểm chính của một thông điệp đơn giản về một chủ đề hàng ngày, sử dụng các từ khác nhau để giúp người khác hiểu rõ hơn.	<i>Không có đặc tả.</i>
<b>BẬC 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>	<i>Không có đặc tả.</i>	<i>Không có đặc tả.</i>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>	<i>Không có đặc tả.</i>	<i>Không có đặc tả.</i>

### 5.17. Các chiến lược đơn giản hóa một văn bản

<b>CÁC CHIẾN LƯỢC ĐƠN GIẢN HÓA MỘT VĂN BẢN</b>		
	<b>MỞ RỘNG/LÀM RÕ MỘT VĂN BẢN CÔ Đ ĐỘNG</b>	<b>HỢP LÝ HÓA VĂN BẢN</b>
<b>BẬC 6</b>	Có thể làm sáng tỏ thông tin được đưa ra trong các văn bản về các chủ đề học thuật hoặc chuyên môn phức tạp bằng cách giải thích chi tiết và đưa ra ví dụ minh họa.	Có thể soạn thảo lại một văn bản nguồn phức tạp, cải thiện sự gắn kết, và mạch văn bản, trong khi loại bỏ các phần không cần thiết, sao cho phù hợp với mục đích của nó.
<b>BẬC 5</b>	Có thể làm cho nội dung phức tạp, đầy thách thức dễ tiếp cận hơn bằng cách giải thích các khía cạnh khó hiểu một cách rõ ràng hơn và thêm chi tiết hữu ích. Có thể làm cho các điểm chính chứa trong một văn bản phức tạp dễ tiếp cận hơn với đối tượng người đọc bằng cách đưa ra ví dụ, giải thích và điều chỉnh phong cách và giọng văn.	Có thể tổ chức lại một văn bản nguồn phức tạp để tập trung vào các điểm liên quan nhất đến đối tượng người nghe/người đọc.
	Có thể làm cho nội dung của một văn bản về một chủ đề trong các lĩnh vực quan tâm dễ tiếp cận hơn với đối tượng người nghe/người đọc bằng cách thêm các ví dụ, lý luận và nhận xét giải thích.	Có thể đơn giản hóa văn bản nguồn bằng cách loại trừ thông tin không liên quan hoặc lặp đi lặp lại và xem xét đối tượng người đọc/người nghe.

<b>BẬC 4</b>	<p>Có thể làm cho các khái niệm về các chủ đề trong lĩnh vực quan tâm dễ tiếp cận hơn bằng cách đưa ra các ví dụ cụ thể, tóm tắt từng bước và lặp lại các điểm chính.</p> <p>Có thể làm cho thông tin mới dễ tiếp cận hơn bằng cách sử dụng lặp lại và thêm hình minh họa.</p>	<p>Có thể chỉnh sửa văn bản nguồn bằng cách xóa các phần không chứa thông tin mới, hoặc các phần thông tin bị lặp lại để làm cho người đọc/người nghe dễ tiếp cận với nội dung quan trọng.</p> <p>Có thể xác định thông tin liên quan hoặc lặp đi lặp lại trong các phần khác nhau của văn bản và hợp nhất nó để làm cho thông điệp thiết yếu rõ ràng hơn.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể làm cho một khía cạnh của một chủ đề hàng ngày rõ ràng và mạch lạc hơn bằng cách truyền đạt thông tin chính theo một cách khác.</p> <p>Có thể làm cho một khía cạnh của một chủ đề hàng ngày rõ ràng hơn bằng cách cung cấp các ví dụ đơn giản.</p>	<p>Có thể xác định và đánh dấu (ví dụ: gạch chân, đánh dấu, v.v.) thông tin cần thiết trong một văn bản các thông tin đơn giản, để chuyển thông tin này cho người khác.</p>
<b>BẬC 2</b>	<i>Không có đặc tả.</i>	<p>Có thể xác định và đánh dấu (ví dụ: gạch chân, đánh dấu, v.v.) các câu chính trong một văn bản ngắn, hàng ngày.</p>
<b>BẬC 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>	<i>Không có đặc tả.</i>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>	<i>Không có đặc tả.</i>

## 6. NĂNG LỰC NGÔN NGỮ GIAO TIẾP

### 6.1. Ngôn ngữ học

#### 6.1.1. Phạm vi ngôn ngữ chung

<b>PHẠM VI NGÔN NGỮ CHUNG</b>	
<b>BẬC 6</b>	Hoàn toàn có thể khai thác kiến thức ngôn ngữ sâu rộng để diễn đạt ý tưởng một cách chính xác, rõ ràng, có trọng tâm và không hề gây nhầm lẫn. Không có dấu hiệu phải hạn chế những gì muốn nói.
<b>BẬC 5</b>	<p>Có thể sử dụng nhiều cấu trúc ngữ pháp phức tạp một cách thích hợp và linh hoạt.</p> <p>Có thể chọn cách diễn đạt phù hợp từ nhiều ngôn ngữ khác nhau để diễn</p>

	đạt ý mình một cách rõ ràng mà không hạn chế điều mình muốn nói.
<b>BẬC 4</b>	Có thể diễn đạt ý kiến của mình một cách rõ ràng và không có nhiều dấu hiệu phải hạn chế những gì mình muốn nói.
	Có vốn ngôn ngữ đủ phong phú để mô tả rõ ràng, bày tỏ quan điểm và phát triển lập luận mà không cần phải tìm kiếm từ ngữ quá nhiều, có thể sử dụng một số cấu trúc câu phức tạp.
<b>BẬC 3</b>	Có vốn ngôn ngữ tương đối phong phú, đủ để mô tả các tình huống khó lường, giải thích các điểm chính trong một ý tưởng hoặc vấn đề với độ chính xác hợp lý, và bày tỏ suy nghĩ về các chủ đề trừu tượng hoặc văn hóa như âm nhạc và phim ảnh.
	Có vốn ngôn ngữ đủ để giao tiếp cơ bản, có thể diễn đạt lời nói của mình dù có ngập ngừng và vòng vo về các chủ đề như gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện hiện tại, nhưng hạn chế về từ vựng dẫn đến lặp lại và đôi khi khó khăn trong diễn đạt.
<b>BẬC 2</b>	Có một vốn từ và cấu trúc cơ bản, cho phép xử lý các tình huống hàng ngày với nội dung dự đoán trước, mặc dù thường phải thỏa hiệp thông điệp và tìm kiếm từ ngữ.
	Có thể tạo ra các cụm từ ngắn gọn hàng ngày để đáp ứng các nhu cầu đơn giản, cụ thể như chi tiết cá nhân, thói quen hàng ngày, mong muốn và nhu cầu, yêu cầu thông tin. Có thể sử dụng các mẫu câu cơ bản và giao tiếp với các cụm từ đã ghi nhớ; có thể nhóm một vài từ và cụm từ cố định để nói về bản thân và người khác, những gì họ làm, địa điểm, tài sản, v.v.
<b>BẬC 1</b>	Có một vốn từ hạn chế gồm các cụm từ ngắn, các cách diễn đạt đơn giản rất cơ bản về các chi tiết cá nhân và nhu cầu cụ thể.
	Có thể sử dụng một số cấu trúc cơ bản trong các tình huống sinh tồn có thể đoán trước; thường xuyên xảy ra gián đoạn và hiểu lầm trong các tình huống không quen thuộc.
<b>Tiền Bậc 1</b>	Có thể sử dụng các từ riêng biệt và các biểu thức cơ bản để cung cấp thông tin đơn giản về.

### 6.1.2. Phạm vi từ vựng

<b>PHẠM VI TỪ VỰNG</b>	
<b>BẬC 6</b>	Có vốn từ vựng rất phong phú, bao gồm cả thành ngữ và cách nói đời thường; nhận thức được các tầng nghĩa ẩn của từ ngữ.

<b>BẬC 5</b>	<p>Có khả năng sử dụng tốt một vốn từ vựng rộng, cho phép dễ dàng khắc phục các khoảng trống từ vựng bằng cách sử dụng cách diễn đạt vòng; ít có biểu hiện lúng túng tìm kiếm từ vựng hoặc né tránh diễn đạt.</p> <p>Có thể lựa chọn từ ngữ từ nhiều phương án trong hầu hết các tình huống bằng cách sử dụng từ đồng nghĩa, kể cả những từ/ký hiệu ít gặp.</p> <p>Nắm vững các thành ngữ và cách nói đời thường phổ biến; có thể chơi chữ khá tốt.</p> <p>Có thể hiểu và sử dụng đúng các thuật ngữ chuyên môn và thành ngữ thông dụng trong lĩnh vực chuyên môn của mình.</p>
<b>BẬC 4</b>	<p>Có thể hiểu và sử dụng thuật ngữ kỹ thuật chính của lĩnh vực của mình, khi thảo luận về lĩnh vực chuyên môn của mình với các chuyên gia khác.</p> <p>Có một phạm vi từ vựng tốt cho các vấn đề liên quan đến lĩnh vực của mình và hầu hết các chủ đề chung.</p> <p>Có thể sử dụng từ đa dạng để tránh lặp lại thường xuyên, nhưng vẫn ngập ngừng và diễn đạt vòng vì không tìm được từ một cách liền mạch.</p> <p>Có thể tạo ra các cụm từ thích hợp bằng vốn từ vựng của mình trong hầu hết các ngữ cảnh mang tính hệ thống.</p> <p>Có thể hiểu và sử dụng nhiều từ vựng chuyên môn của lĩnh vực của mình nhưng có vấn đề với thuật ngữ ngoài chuyên môn.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có một phạm vi từ vựng tốt liên quan đến các chủ đề quen thuộc và các tình huống hàng ngày.</p> <p>Có đủ vốn từ để diễn đạt ý của mình bằng cách nói vòng trong hầu hết các chủ đề phù hợp với cuộc sống hàng ngày như gia đình, sở thích và đam mê, công việc, du lịch và các sự kiện thời sự.</p>
<b>BẬC 2</b>	<p>Có đủ vốn từ vựng để thực hiện các giao dịch hàng ngày thông dụng, liên quan đến các tình huống và chủ đề quen thuộc.</p> <p>Có đủ vốn từ vựng để thể hiện nhu cầu giao tiếp cơ bản.</p> <p>Có đủ vốn từ vựng để xử lý nhu cầu sinh tồn đơn giản.</p>
<b>BẬC 1</b>	<p>Có một vốn từ vựng cơ bản bao gồm các từ và cụm từ liên quan đến các tình huống cụ thể nhất định.</p>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<p><i>Không có đặc tả.</i></p>

### 6.1.3. Kiểm soát từ vựng

<b>KIỂM SOÁT TỪ VỰNG</b>	
<b>BẬC 6</b>	Sử dụng từ vựng chính xác và phù hợp một cách nhất quán.
<b>BẬC 5</b>	Sử dụng từ vựng ít phổ biến hơn, như các thành ngữ một cách thích hợp. Thỉnh thoảng có lỗi lờ, nhưng không có lỗi từ vựng đáng kể.
<b>BẬC 4</b>	Độ chính xác từ vựng nói chung là cao, mặc dù một số nhầm lẫn và lựa chọn từ không chính xác xảy ra mà không cản trở giao tiếp.
<b>BẬC 3</b>	Thể hiện khả năng kiểm soát tốt từ vựng cơ bản nhưng vẫn xảy ra lỗi lớn khi diễn đạt những suy nghĩ phức tạp hơn hoặc xử lý các chủ đề và tình huống không quen thuộc. Sử dụng một loạt các từ vựng đơn giản một cách thích hợp khi nói về các chủ đề quen thuộc.
<b>BẬC 2</b>	Có thể kiểm soát một lượng từ nhỏ để giao tiếp trong các nhu cầu cụ thể hàng ngày.
<b>BẬC 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

### 6.1.4. Độ chính xác ngữ pháp

<b>ĐỘ CHÍNH XÁC NGỮ PHÁP</b>	
<b>BẬC 6</b>	Duy trì sự kiểm soát ngữ pháp nhất quán đối với ngôn ngữ phức tạp, ngay cả khi sự chú ý đang được huy động vào các khía cạnh khác (ví dụ: lập kế hoạch các nội dung cần chuyên tải, theo dõi phản ứng của người khác).
<b>BẬC 5</b>	Luôn duy trì mức độ chính xác ngữ pháp cao; rất hiếm khi mắc lỗi hoặc khó bị phát hiện.
<b>BẬC 4</b>	Kiểm soát ngữ pháp tốt. Đôi khi 'lờ lờ' hoặc mắc lỗi không hệ thống và việc sai sót nhỏ trong cấu trúc câu vẫn có thể xảy ra, nhưng tương đối hiếm và thường được sửa ngay khi vừa nói xong.
	Có mức độ kiểm soát ngữ pháp tương đối cao. Không mắc các lỗi sai dẫn đến hiểu lầm. Có trình độ tốt về cấu trúc ngôn ngữ đơn giản và một số dạng ngữ pháp phức tạp, mặc dù có xu hướng sử dụng các cấu trúc phức tạp một cách cứng nhắc và không chính xác trong một số tình huống.

<b>BẬC 3</b>	Có thể giao tiếp với độ chính xác hợp lý trong các ngữ cảnh quen thuộc; nói chung có thể kiểm soát tốt mặc dù vẫn bị ảnh hưởng bởi tiếng mẹ đẻ một cách đáng kể. Có cố gắng diễn đạt tương đối rõ các nội dung cần diễn đạt mặc dù vẫn mắc lỗi.
	Sử dụng tương đối chính xác một số câu đơn giản quen thuộc và áp dụng các cụm từ cố định thường dùng, liên quan đến các tình huống tương tự.
<b>BẬC 2</b>	Sử dụng một số cấu trúc đơn giản một cách chính xác, nhưng vẫn mắc lỗi cơ bản một cách có hệ thống - ví dụ có xu hướng trộn lẫn các thì và quên đánh dấu câu; tuy nhiên, vẫn truyền tải tương đối rõ ràng những thông tin cơ bản muốn nói.
<b>BẬC 1</b>	Có thể kiểm soát một cách hạn chế một vài cấu trúc ngữ pháp đơn giản và các mẫu câu trong số các nội dung đã học.
<b>Tiền Bậc 1</b>	Có thể sử dụng các nguyên tắc rất đơn giản về trật tự từ trong các câu lệnh ngắn.

### 6.1.5. Kiểm soát âm vị học

<b>KIỂM SOÁT ÂM VỊ HỌC</b>			
	<b>KIỂM SOÁT ÂM VỊ HỌC TỔNG THỂ</b>	<b>PHÁT ÂM CÁC ÂM</b>	<b>ĐẶC ĐIỂM GIỌNG NÓI</b>
<b>BẬC 6</b>	Có thể sử dụng đầy đủ các tính năng âm vị học trong ngôn ngữ đích với mức độ kiểm soát cao - bao gồm các đặc điểm ngôn điệu như trọng âm từ và câu, nhịp điệu và ngữ điệu - để có thể truyền tải thông điệp một cách rõ ràng và chính xác.  Tính dễ hiểu, truyền đạt hiệu quả và nâng cao ý nghĩa không bị ảnh hưởng dưới bất kỳ hình thức nào bởi các đặc điểm của trọng âm có thể bị ảnh hưởng từ ngôn ngữ khác.	Có thể phát âm hầu như tất cả các âm của ngôn ngữ đích với sự rõ ràng và chính xác.	Có thể khai thác các tính năng ngôn điệu (ví dụ: trọng âm, nhịp điệu và ngữ điệu) một cách thích hợp và hiệu quả để truyền đạt các sắc thái ý nghĩa tốt hơn (ví dụ: để phân biệt và nhấn mạnh).
<b>BẬC 5</b>	Có thể sử dụng đầy đủ các tính năng âm vị học trong	Có thể nói rõ gần như tất cả các âm của	Có thể tạo ra diễn ngôn nói mượt mà, dễ

	ngôn ngữ đích với sự kiểm soát đầy đủ để đảm bảo tính dễ hiểu, tường minh. Có thể phát âm hầu như tất cả các âm của ngôn ngữ đích; một số tính năng của trọng âm có thể bị ảnh hưởng từ ngôn ngữ khác, nhưng không ảnh hưởng đến tính dễ hiểu.	ngôn ngữ đích với mức độ kiểm soát cao; thường có thể tự sửa nếu phát âm sai một âm.	hiểu chỉ thỉnh thoảng mất kiểm soát về trọng âm, nhịp điệu và/hoặc ngữ điệu, nhưng không ảnh hưởng đến tính dễ hiểu hoặc hiệu quả giao tiếp.  Có thể thay đổi ngữ điệu và đặt trọng âm một cách chính xác để thể hiện chính xác những gì muốn nói.
<b>BẬC 4</b>	Nói chung có thể sử dụng ngữ điệu thích hợp, đặt trọng âm chính xác và phát âm rõ ràng từng âm thanh; Giọng có xu hướng bị ảnh hưởng bởi (các) ngôn ngữ khác, nhưng ít ảnh hưởng đến tính dễ hiểu.	Có thể phát âm tương đối chính xác một lượng lớn các âm trong ngôn ngữ đích trong khi nói liên tục; có thể làm người nghe hiểu được hầu hết nội dung nói, mặc dù có một vài lỗi phát âm sai có hệ thống.  Có thể rút ra các quy tắc phát âm và dự đoán các đặc điểm âm vị học của hầu hết các từ không quen thuộc (ví dụ: trọng âm từ) với độ chính xác hợp lý (ví dụ: trong khi đọc).	Có thể sử dụng các đặc điểm ngôn điệu (ví dụ: trọng âm, ngữ điệu, nhịp điệu) để hỗ trợ thông điệp dự định truyền đạt, mặc dù có bị ảnh hưởng từ các ngôn ngữ khác.
<b>BẬC 3</b>	Nhìn chung có thể phát âm dễ hiểu; có thể sử dụng ngữ điệu và trọng âm ở cả cấp độ lời nói và từ gần bằng người bản ngữ. Tuy nhiên, giọng nói thường bị ảnh hưởng bởi (các) ngôn ngữ khác mà mình thường nói.	Nói chung phát âm khá dễ hiểu và tường minh, mặc dù phát âm sai thường xuyên các âm và từ riêng lẻ ít gặp.	Có thể truyền tải thông điệp một cách dễ hiểu mặc dù trọng âm, ngữ điệu và/hoặc nhịp điệu từ bị ảnh hưởng mạnh bởi (các) ngôn ngữ khác.
	Nhìn chung có thể phát âm	Phát âm nói chung	Có thể sử dụng các

<b>BẬC 2</b>	đủ rõ để người khác hiểu được, nhưng thường bị các đối tác đàm thoại yêu cầu nhắc lại. Bị ảnh hưởng mạnh từ (các) ngôn ngữ khác khi phát âm trọng âm, nhịp điệu và ngữ điệu; có thể ảnh hưởng đến tính dễ hiểu, đòi hỏi sự hợp tác từ người đối thoại. Tuy nhiên, cách phát âm các từ quen thuộc khá rõ ràng.	dễ hiểu khi giao tiếp trong các tình huống đơn giản hàng ngày, miễn là người đối thoại nỗ lực để hiểu các âm cụ thể.  Phát âm sai có hệ thống các âm vị không cản trở tính dễ hiểu, miễn là người đối thoại nỗ lực nhận ra và điều chỉnh ảnh hưởng của nền tảng ngôn ngữ của người nói đến cách phát âm.	tính năng siêu đoạn tính của các từ và cụm từ hàng ngày một cách thông minh, mặc dù bị ảnh hưởng mạnh từ (các) ngôn ngữ khác đến trọng âm, ngữ điệu và/hoặc nhịp điệu.  Các tính năng siêu ngôn điệu (ví dụ: trọng âm từ) được đáp ứng đầy đủ cho các từ quen thuộc, hàng ngày và cách nói đơn giản.
<b>BẬC 1</b>	Có thể phát âm và làm người khác hiểu được một lượng từ và cụm từ rất hạn chế trong số các từ/cụm từ đã học với điều kiện có sự hỗ trợ và nỗ lực nghe hiểu từ người đối thoại là người có cùng nhóm ngôn ngữ. Có thể tái tạo chính xác một lượng âm hạn chế cũng như trọng âm của các từ và cụm từ đơn giản, quen thuộc.	Có thể tái tạo âm thanh bằng ngôn ngữ đích nếu được hướng dẫn cẩn thận.  Có thể phát âm một số lượng nhỏ các âm, do đó lời nói chỉ có thể hiểu được nếu người đối thoại hỗ trợ (ví dụ: bằng cách lặp lại chính xác một số âm và bằng cách gợi ý lặp lại các âm của các từ lạ tai).	Có thể phát âm các từ và cụm từ đơn giản một cách dễ hiểu, mặc dù trọng âm, nhịp điệu và/hoặc ngữ điệu bị ảnh hưởng mạnh từ (các) ngôn ngữ khác; và người đối thoại cần phải hợp tác.

### 6.1.6. Kiểm soát chính tả

<b>KIỂM SOÁT CHÍNH TẢ</b>	
<b>BẬC 6</b>	Viết không có lỗi chính tả.
<b>BẬC 5</b>	Bố cục, đoạn văn và dấu câu nhất quán và xác đáng. Văn bản chính xác về mặt chính tả, song đôi lúc viết còn lỗi sai.
<b>BẬC 4</b>	Có thể tạo ra văn bản liên tục dễ hiểu rõ ràng, tuân theo bố cục tiêu chuẩn và quy ước đoạn văn. Có thể sử dụng chính tả và dấu câu tương đối chính xác nhưng có thể vẫn bị ảnh hưởng bởi tiếng mẹ đẻ.



<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể viết ra văn bản liền mạch một cách tương đối dễ hiểu từ đầu đến cuối.</p> <p>Chính tả, dấu câu và cách bố trí đủ chuẩn xác để người đọc có thể theo dõi được hầu hết nội dung.</p>
<b>BẬC 2</b>	<p>Có thể sao chép các câu ngắn về các chủ đề hàng ngày (ví dụ: hướng dẫn đường đi đến một địa điểm nào đó).</p> <p>Có thể viết những từ ngắn mình biết (trong vốn từ vựng nói) với độ chính xác về mặt âm thanh (nghe sao viết vậy), dù đôi khi chưa hoàn toàn đúng chính tả.</p>
<b>BẬC 1</b>	<p>Có thể chép lại các từ và cụm từ ngắn quen thuộc, ví dụ như biển hiệu, hướng dẫn đơn giản, tên các đồ vật hàng ngày, tên cửa hàng và cả các cụm từ thường xuyên sử dụng.</p> <p>Có thể đánh vần địa chỉ, quốc tịch và các chi tiết cá nhân khác của mình. Có thể sử dụng dấu câu cơ bản (ví dụ: dấu chấm, dấu chấm hỏi).</p>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

## 6.2. Ngôn ngữ học xã hội

### Sự phù hợp về ngôn ngữ xã hội

<b>SỰ PHÙ HỢP VỀ NGÔN NGỮ XÃ HỘI</b>	
<b>BẬC 6</b>	<p>Có thể làm trung gian giữa người nói ngôn ngữ đích và cộng đồng của họ một cách hiệu quả và tự nhiên, đồng thời ý thức được sự khác biệt về văn hóa và ngôn ngữ xã hội.</p> <p>Nắm rõ các thành ngữ và cách diễn đạt đời thường; nhận biết được những tầng nghĩa ngầm.</p> <p>Hiểu được hầu hết hàm ý văn hóa xã hội và ngôn ngữ xã hội mà người nói thành thạo ngôn ngữ đích sử dụng, và có thể phản hồi lại một cách phù hợp.</p> <p>Có thể sử dụng một cách hiệu quả nhiều dạng ngôn ngữ tinh tế khác nhau trong cả ngôn ngữ nói và viết để chỉ đạo, tranh luận, thuyết phục, can ngăn, đàm phán và đưa ra lời khuyên.</p>
<b>BẬC 5</b>	<p>Có thể nhận ra nhiều loại thành ngữ và cách nói đời thường, đồng thời đánh giá được sự thay đổi trong văn phong, song đôi khi vẫn cần hỏi lại một số chi tiết, nhất là khi chưa quen giọng.</p>

	<p>Có thể hiểu được yếu tố hài hước, trớ trêu và các hàm ý văn hóa ngầm, đồng thời hiểu các sắc thái nghĩa tinh tế.</p> <p>Có thể theo dõi trọn vẹn các bộ phim sử dụng nhiều tiếng lóng và thành ngữ.</p> <p>Có thể sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và hiệu quả cho mục đích giao tiếp xã hội, biết cách thể hiện cảm xúc, cách nói bóng gió và nói đùa.</p> <p>Có thể điều chỉnh mức độ trang trọng (văn phong và phong cách) cho phù hợp với bối cảnh xã hội như: trang trọng, thân mật; duy trì được sự nhất quán trong cách nói.</p> <p>Có thể chỉ trích hoặc thể hiện sự kiên quyết bất đồng một cách khéo léo.</p>
<b>BẬC 4</b>	<p>Có thể cố gắng theo kịp và đóng góp vào các cuộc thảo luận nhóm ngay cả khi tốc độ nói nhanh và dùng ngôn ngữ đời thường.</p> <p>Có thể nhận biết và giải thích các tín hiệu văn hóa xã hội/ngôn ngữ xã hội, và chủ động điều chỉnh hình thức diễn đạt để thể hiện bản thân một cách phù hợp trong tình huống đó.</p> <p>Có thể thể hiện bản thân một cách tự tin, rõ ràng và lịch sự trong cả văn phong trang trọng lẫn thân mật, phù hợp với tình huống và người liên quan.</p> <p>Có thể điều chỉnh cách diễn đạt để tạo sự khác biệt giữa văn phong trang trọng và thân mật, nhưng đôi khi cách áp dụng chưa thực sự phù hợp.</p> <p>Có thể duy trì mối quan hệ tốt với người nói ngôn ngữ đích mà không vô tình gây cười, hay làm họ khó chịu, hoặc yêu cầu họ điều chỉnh cách hành xử khác biệt so với những người thành thạo ngôn ngữ khác.</p> <p>Có thể diễn đạt trong các tình huống phù hợp và tránh mắc các lỗi rập khuôn, cứng nhắc.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể dùng nhiều chức năng ngôn ngữ để giao tiếp phản hồi, đồng thời sử dụng văn phong trung tập trong hầu hết các tình huống diễn đạt thường dùng.</p> <p>Nhận thức được các quy ước giao tiếp lịch sự và ứng xử phù hợp.</p> <p>Nhận thức và tìm được những dấu hiệu, những sự khác biệt lớn nhất giữa phong tục, tập quán, thái độ, giá trị và niềm tin phổ biến của cộng đồng liên quan so với cộng đồng của chính mình.</p>
<b>BẬC 2</b>	<p>Có thể dùng các chức năng ngôn ngữ cơ bản như trao đổi thông tin, đề xuất yêu cầu, và bày tỏ ý kiến/thái độ một cách đơn giản.</p>

	<p>Có thể giao tiếp xã hội đơn giản nhưng hiệu quả, sử dụng các cách diễn đạt phổ biến và tuân theo các thói quen giao tiếp cơ bản.</p> <p>Có thể giao tiếp rất ngắn, sử dụng các cấu trúc chào hỏi và xung hô lịch sự hàng ngày.</p> <p>Có thể đưa ra và đáp lại lời mời, lời đề xuất, lời xin lỗi, v.v.</p>
<b>BẬC 1</b>	Có thể giao tiếp xã hội cơ bản bằng cách sử dụng các cấu trúc giao tiếp lịch sự hàng ngày một cách đơn giản nhất như chào hỏi và chia tay; giới thiệu; nói xin vui lòng, cảm ơn, xin lỗi, v.v.
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

### 6.3. Ngữ dụng học

#### 6.3.1. Độ linh hoạt

<b>ĐỘ LINH HOẠT</b>	
<b>BẬC 6</b>	Có thể rất linh hoạt thay đổi ý tưởng bằng cách sử dụng các hình thức ngôn ngữ khác nhau để nhấn mạnh, phân biệt theo tình huống, đối tượng giao tiếp, v.v., tránh mơ hồ.
<b>BẬC 5</b>	<p>Có thể tác động tích cực đến người nghe/người đọc bằng cách thay đổi phong cách diễn đạt, độ dài câu, sử dụng từ vựng nâng cao và sắp xếp trật tự hiệu quả.</p> <p>Có thể sửa đổi cách diễn đạt để thể hiện mức độ cam kết hay do dự, tự tin hay không chắc chắn.</p>
<b>BẬC 4</b>	<p>Có thể điều chỉnh nội dung nói/viết và phương tiện biểu đạt phù hợp với tình huống và người tiếp nhận thông tin; điều chỉnh mức độ trang trọng thích hợp với hoàn cảnh.</p> <p>Có thể điều chỉnh theo những thay đổi về mạch, phong cách và trọng tâm đối thoại thường thấy.</p> <p>Có thể thay đổi cách diễn đạt của những điều mình muốn nói.</p> <p>Có thể thay đổi ý tưởng để nhấn mạnh hoặc giải thích một điểm cụ thể.</p>
<b>BẬC 3</b>	Có thể điều chỉnh cách diễn đạt để giải quyết các tình huống ít gặp hay tình huống khó.

	Có thể sử dụng linh hoạt đa dạng ngôn ngữ đơn giản để diễn đạt phần lớn những gì mình muốn nói.
<b>BẬC 2</b>	Có thể dùng hoặc thay thế một số ít các cụm từ cơ bản đã được luyện tập và học thuộc. Có thể mở rộng các cụm từ đã học bằng cách kết hợp lại đơn giản.
<b>BẬC 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

### 6.3.2. Lượt lời

<b>LƯỢT LỜI</b>	
Ghi chú: Thang đánh giá này giống thang đánh giá "Lượt lời" ở trên.	
<b>BẬC 6</b>	<i>Áp dụng đặc tả như Bậc 5.</i>
<b>BẬC 5</b>	Có thể chọn các từ phù hợp tùy mục đích để mở đầu phát biểu, hoặc để dành thời gian và giữ quyền phát biểu trong lúc đang suy nghĩ.
<b>BẬC 4</b>	Có thể dùng ngôn ngữ phù hợp để can thiệp vào thảo luận. Có thể bắt đầu, duy trì và kết thúc lượt nói thích hợp. Có thể phát biểu, tiếp lượt và kết thúc hội thoại vào lúc thích hợp, mặc dù không phải lúc nào cũng nói đúng phép lịch sự. Có thể sử dụng các cụm từ cho sẵn (ví dụ: “Đây là một câu hỏi khó trả lời”) để kéo dài thời gian và giữ lượt trong khi nghĩ nội dung trình bày.
<b>BẬC 3</b>	Có thể can thiệp vào thảo luận về chủ đề quen thuộc, sử dụng cụm từ phù hợp để lấy quyền phát biểu. Có thể bắt đầu, duy trì và kết thúc cuộc trò chuyện đơn giản về các chủ đề quen thuộc hoặc chủ đề quan tâm.
<b>BẬC 2</b>	Có thể sử dụng các kỹ thuật đơn giản để bắt đầu, duy trì hoặc kết thúc một cuộc trò chuyện ngắn. Có thể bắt đầu, duy trì và kết thúc cuộc trò chuyện đơn giản trực tiếp. Có thể yêu cầu người khác chú ý.
<b>BẬC 1</b>	<i>Không có đặc tả</i>

<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>
-----------------------	-------------------------

### 6.3.3. Phát triển theo chủ đề

<b>PHÁT TRIỂN THEO CHỦ ĐỀ</b> (Thang đo này đã xuất hiện trong phần Nói Độc thoại)	
<b>BẬC 6</b>	Có thể sử dụng linh hoạt các quy ước của các loại văn bản liên quan để truyền đạt các ý tưởng phức tạp một cách hiệu quả, dễ dàng khiến người đọc chú ý và hoàn thành tất cả các mục đích giao tiếp.
<b>BẬC 5</b>	<p>Có thể sử dụng các quy ước của các loại văn bản liên quan để thu hút sự chú ý của người đọc và truyền đạt những ý tưởng phức tạp.</p> <p>Có thể viết các bài mô tả và bài trần thuật phức tạp, tích hợp các chủ đề phụ, phát triển các điểm cụ thể và kết luận một cách phù hợp.</p> <p>Có thể viết phần giới thiệu và kết luận phù hợp cho một văn bản dài và phức tạp.</p> <p>Có thể mở rộng và bổ sung các điểm chính một cách chi tiết bao gồm các luận cứ và luận chứng có liên quan.</p>
<b>BẬC 4</b>	<p>Có thể phát triển lập luận một cách có hệ thống bằng cách làm nổi bật các điểm quan trọng và luận cứ liên quan một cách thích hợp.</p> <p>Có thể trình bày và hồi đáp các lập luận phức tạp một cách thuyết phục.</p> <p>Có thể sử dụng đúng cấu trúc quy ước để truyền đạt ý tưởng của mình tùy thuộc vào nhiệm vụ giao tiếp có liên quan.</p> <p>Có thể viết bài mô tả hoặc trần thuật một cách rõ ràng, mở rộng và triển khai các ý chính bằng cách sử dụng các luận cứ và luận chứng có liên quan.</p> <p>Có thể phát triển lập luận rõ ràng, mở rộng và bảo vệ quan điểm của mình một cách chi tiết bằng cách sử dụng các luận cứ và luận chứng có liên quan.</p> <p>Có thể đánh giá những lợi thế và bất lợi của các phương án khác nhau.</p> <p>Có thể thể hiện rõ ràng sự khác biệt giữa thông tin xác thực và quan điểm cá nhân.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể báo hiệu rõ ràng trình tự thời gian trong văn bản trần thuật.</p> <p>Có thể phát triển một luận điểm xác đáng để người khác theo dõi mà hầu như không gặp khó khăn.</p>
	Ý thức được cấu trúc quy ước của các loại văn bản liên quan, khi truyền

	<p>đạt ý tưởng của mình.</p> <p>Có thể thuật lại tương đối trôi chảy một câu chuyện hoặc một mô tả đơn giản dưới dạng một chuỗi các sự kiện.</p>
<b>BẬC 2</b>	<p>Có thể kể một câu chuyện hoặc mô tả một sự vật hiện tượng bằng cách liệt kê đơn giản một số nội dung.</p> <p>Có thể đưa ra một ví dụ về một sự vật hiện tượng trong một văn bản rất đơn giản bằng cách sử dụng “như là” hoặc “ví dụ”.</p>
<b>BẬC 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

#### 6.3.4. Sự mạch lạc và tính liên kết

<b>SỰ MẠCH LẠC VÀ TÍNH LIÊN KẾT</b>	
<b>BẬC 6</b>	Có thể tạo ra văn bản mạch lạc và liên kết, sử dụng đa dạng cách tổ chức đoạn văn và các phương tiện liên kết một cách đầy đủ và phù hợp.
<b>BẬC 5</b>	<p>Có thể tạo mạch văn rõ ràng, trôi chảy, có cấu trúc, thể hiện khả năng sử dụng các cách tổ chức đoạn văn, từ kết nối và phương tiện liên kết một cách chắc chắn.</p> <p>Có thể tạo ra văn bản được tổ chức ý tốt, mạch lạc, sử dụng đa dạng phương tiện liên kết và cách tổ chức đoạn văn.</p>
<b>BẬC 4</b>	<p>Có thể sử dụng nhiều từ liên kết một cách hiệu quả để thể hiện rõ ràng mối quan hệ giữa các ý tưởng.</p> <p>Có thể sử dụng một số phương tiện liên kết để kết nối liền mạch lời nói của mình thành diễn ngôn rõ ràng và mạch lạc, song có thể còn “bước nhảy” khi phải nói dài.</p> <p>Có thể tạo ra văn bản thường được tổ chức tốt và mạch lạc, sử dụng một loạt các cụm từ kết nối và phương tiện liên kết.</p> <p>Có thể chia các văn bản dài thành các đoạn văn rõ ràng, hợp lý.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể trình bày lập luận phản biện trong một văn bản diễn ngôn đơn giản (ví dụ: dùng từ như “tuy nhiên”).</p> <p>Có thể liên kết một loạt các thành tố ngắn và đơn giản thành một chuỗi các ý liền mạch.</p> <p>Có thể tạo câu dài và liên kết câu bằng cách sử dụng một số các phương tiện liên kết, ví dụ như khi kể chuyện.</p>

	Có thể ngắt một văn bản dài thành các đoạn đơn giản và hợp lý.
<b>BẬC 2</b>	Có thể sử dụng các liên từ thường gặp nhằm liên kết các câu đơn giản để kể chuyện hoặc mô tả một sự vật hiện tượng dưới dạng một loạt các ý đơn giản.
	Có thể liên kết các nhóm từ bằng các liên từ đơn giản như “và”, “nhưng” và “bởi vì”.
<b>BẬC 1</b>	Có thể liên kết các từ hoặc cụm từ bằng các liên từ cơ bản như “và” hoặc “thì”.
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

### 6.3.5. Độ chính xác của nội dung

<b>ĐỘ CHÍNH XÁC CỦA NỘI DUNG</b>	
<b>BẬC 6</b>	Có thể truyền tải các sắc thái ý nghĩa một cách rõ ràng và chính xác bằng cách sử dụng nhiều công cụ ngôn ngữ đa dạng một cách chính xác (ví dụ: trạng từ chỉ mức độ, mệnh đề thể hiện sự giới hạn). Có thể nhấn mạnh, phân biệt rõ ràng và loại bỏ sự mơ hồ trong thông điệp.
<b>BẬC 5</b>	Có thể làm rõ ý kiến, tuyên bố một cách chính xác theo các mức độ, ví dụ như mức độ chắc chắn/không chắc chắn, tin tưởng/ngghi ngờ, khả năng xảy ra, v.v. Có thể sử dụng hiệu quả tính tình thái của ngôn ngữ để thể hiện mức độ mạnh mẽ của một tuyên bố, một lập luận hoặc một quan điểm.
<b>BẬC 4</b>	Có thể truyền đạt thông tin chi tiết một cách đáng tin cậy. Có thể truyền đạt được những điểm thiết yếu ngay cả trong những tình huống khó khăn, mặc dù ngôn ngữ vẫn còn thiếu tính biểu cảm và chưa sử dụng được thành ngữ.
<b>BẬC 3</b>	Có thể giải thích những điểm chính trong một ý tưởng hoặc vấn đề với độ chính xác tương đối.
	Có thể truyền đạt thông tin đơn giản, dễ hiểu và có liên quan trực tiếp, để truyền tải nội dung mình thấy quan trọng nhất. Có thể diễn đạt điểm chính một cách dễ hiểu.

<b>BẬC 2</b>	Có thể truyền đạt điều muốn nói trong các trao đổi đơn giản và trực tiếp về thông tin hạn chế liên quan đến các vấn đề quen thuộc và thường xuyên, nhưng trong các tình huống khác, thường phải chấp nhận việc thông điệp không đầy đủ.
<b>BẬC 1</b>	Có thể truyền đạt thông tin cơ bản về chi tiết cá nhân và nhu cầu cụ thể một cách đơn giản .
<b>Tiền Bậc 1</b>	Có thể truyền đạt thông tin rất cơ bản về chi tiết cá nhân một cách đơn giản.

### 6.3.6. Độ trôi chảy

<b>ĐỘ TRÔI CHẢY</b>	
<b>BẬC 6</b>	Có thể trình bày một đoạn dài một cách tự nhiên, dễ dàng, không do dự. Chỉ dừng lại để chọn từ ngữ chính xác và thích hợp để bày tỏ suy nghĩ của mình hoặc để tìm một ví dụ hoặc lời giải thích phù hợp.
<b>BẬC 5</b>	Có thể trình bày một cách trôi chảy và tự nhiên, gần như không gặp khó khăn. Chỉ khi gặp chủ đề khó về mặt khái niệm mới ảnh hưởng đến độ tự nhiên và trơn tru.
<b>BẬC 4</b>	Có thể giao tiếp tự nhiên, thường nói trôi chảy và diễn đạt dễ dàng cả khi nói các đoạn dài phức tạp.
<b>BẬC 3</b>	Có thể nói các đoạn dài với nhịp độ tương đối đều; mặc dù có thể ngập ngừng khi tìm mẫu câu hoặc cách diễn đạt, nhưng ít khi phải dừng các khoảng dài làm người khác chú ý. Có thể tương tác khá lưu loát và tự phát, duy trì sự tương tác thường xuyên với người nói ngôn ngữ đích mà không gây khó khăn cho hai bên.
	Có thể trình bày ý tưởng một cách tương đối dễ dàng mặc dù có một số vấn đề với các cụm từ cố định dẫn đến tạm dừng và “đi vào ngõ cụt”; tuy vậy, vẫn có thể tiếp tục tương tác hiệu quả mà không cần sự giúp đỡ.
<b>BẬC 2</b>	Có thể khiến người khác dễ hiểu khi nói ngắn, mặc dù việc tạm dừng để nghĩ câu, lỡ lời ở đầu câu hoặc phải sửa lỗi ngữ pháp và từ vựng là rất rõ ràng.
	Có thể diễn đạt ngắn gọn, đơn giản để người khác hiểu được, song dễ bị nhận thấy khi ngắc ngứ và lỡ lời ở đầu câu.
<b>BẬC 1</b>	Có thể xử lý các phát ngôn rất ngắn, rời rạc, chủ yếu đã học thuộc và phải dừng lâu để tìm cách diễn đạt hoặc phát âm các từ lạ hoặc để chỉnh sửa lời

	nói.
<b>Tiền Bậc 1</b>	Có thể nói rất ngắn, sử dụng các từ rời rạc, lặp lại, đã học thuộc trước, khi cần thiết thì phải sử dụng cử chỉ và ra hiệu yêu cầu giúp đỡ.

## 7. CÁC NĂNG LỰC KHÁC

### 7.1 Xây dựng vốn kiến thức đa văn hoá

<b>XÂY DỰNG VỐN KIẾN THỨC ĐA VĂN HOÁ</b>	
<b>BẬC 6</b>	Có thể dùng các hành vi và mẫu câu tùy hoàn cảnh, thể hiện nhận thức về những khác biệt văn hoá và chỉnh sửa cách nói để không gây hiểu nhầm và tạo xung đột văn hoá.
<b>BẬC 5</b>	<p>Có thể nhận ra khác biệt trong quy ước ngôn ngữ học xã hội/ngữ dụng học, nhận thức và điều chỉnh phương thức giao tiếp.</p> <p>Có thể giải thích bối cảnh văn hoá một cách tinh tế, diễn giải và bàn luận về các giá trị và các phong tục bằng cách dùng kiến thức từ những lần giao thoa liên văn hoá, đọc sách, xem phim, v.v.</p> <p>Có thể xử lý các trường hợp không rõ nghĩa trong giao tiếp xuyên văn hoá và thể hiện phản ứng một cách mang tính xây dựng và phù hợp văn hoá để làm rõ thông điệp.</p>
<b>BẬC 4</b>	<p>Có thể miêu tả và đánh giá các quan điểm cũng như các phong tục của mình và các cộng đồng khác, nhận thức được các giá trị hàm ẩn tạo nên các phán xét và định kiến.</p> <p>Có thể lý giải cách hiểu của mình về các suy đoán, các định kiến, thành kiến, suy nghĩ rập khuôn và các phán xét văn hoá xuất phát từ chính cộng đồng của mình cũng như từ các cộng đồng mình biết.</p> <p>Có thể giải thích một tài liệu hoặc sự kiện ở một nền văn hoá khác và liên hệ với tài liệu hoặc sự kiện ở nền văn hoá của mình hoặc một nền văn hoá mình biết.</p> <p>Có thể nhận biết và phân tích các điểm tương đồng cũng như khác biệt giữa các dấu hiệu hành vi văn hoá (như cử chỉ, âm lượng nói) và thảo luận về tầm ảnh hưởng để tạo sự hiểu biết lẫn nhau.</p> <p>Có thể gặp phải trường hợp giao tiếp liên văn hoá và nhận biết rằng quan điểm cá nhân trong một hoàn cảnh nhất định không phải là quan điểm chung, để phản ứng hoặc thể hiện mình một cách phù hợp.</p>

	<p>Có thể diễn giải các dấu hiệu văn hoá một cách phù hợp khi sống trong nền văn hoá đó.</p> <p>Có thể phân tích và giải thích các cách giao tiếp đặc thù trong văn hoá của mình và của người khác, cũng như rủi ro khi hiểu nhầm.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể theo đúng các quy ước hành xử quy định như cách thể hiện tư thế, hướng mắt nhìn, khoảng cách với người khác.</p> <p>Có thể hồi đáp các tín hiệu văn hoá thông dụng một cách phù hợp.</p> <p>Có thể giải thích các đặc điểm văn hoá của mình cho người thuộc nền văn hoá khác hoặc giải thích đặc điểm văn hoá của người khác cho người thuộc nền văn hoá của mình.</p> <p>Có thể giải thích đơn giản cách các giá trị và hành vi của mình tác động đến quan điểm của mình khi nhận định về các giá trị và hành vi của người khác.</p> <p>Có thể bàn luận đơn giản cách các sự vật hiện tượng “lạ” với mình trong một bối cảnh văn hoá xã hội lại là “quen” với những người khác trong bối cảnh ấy.</p> <p>Có thể dùng từ đơn giản để bàn luận cách những người từ các nền văn hoá khác đánh giá các hành vi văn hoá của mình theo các cách khác nhau.</p>
<b>BẬC 2</b>	<p>Có thể nhận ra và sử dụng các quy ước văn hoá cơ bản trong trao đổi thường ngày (như cách chào, nghi thức).</p> <p>Có thể hành xử phù hợp khi chào, tạm biệt, cảm ơn, xin lỗi nhưng khó xử lý các tình huống không giống lệ thường.</p> <p>Có thể nhận ra hành vi trong giao dịch thường ngày có thể truyền tải thông điệp khác với ý định và giải thích một cách đơn giản.</p>
<b>BẬC 1</b>	<p>Có thể nhận ra các cách đánh số, đo cự ly, xem giờ, v.v. nhưng khó áp dụng trong các giao dịch thường ngày cụ thể.</p>
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

## 7.2 Hiểu biết đa ngữ

<b>HIỂU BIẾT ĐA NGỮ</b>	
<b>BẬC 6</b>	<i>Áp dụng đặc tả như Bậc 4.</i>
<b>BẬC 5</b>	<i>Áp dụng đặc tả như Bậc 4.</i>

<b>BẬC 4</b>	<p>Có thể sử dụng kiến thức về các quy ước giao tiếp và quy tắc văn bản trong các ngôn ngữ thuộc vốn đa ngôn ngữ của mình để hỗ trợ việc hiểu.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể sử dụng những gì đã hiểu bằng một ngôn ngữ để nắm được chủ đề và thông điệp chính của một văn bản bằng ngôn ngữ khác (ví dụ: khi đọc các bài báo ngắn về cùng một chủ đề được viết bằng các ngôn ngữ khác nhau).</p> <p>Có thể sử dụng các bản dịch song song của văn bản (ví dụ: bài báo, truyện, đoạn văn từ tiểu thuyết) để phát triển khả năng hiểu trong các ngôn ngữ khác nhau.</p> <p>Có thể suy luận thông điệp của một văn bản bằng cách khai thác những gì đã hiểu từ các văn bản cùng chủ đề được viết bằng các ngôn ngữ khác nhau (ví dụ: tin tức tóm tắt, tài liệu giới thiệu bảo tàng, đánh giá trực tuyến).</p> <p>Có thể trích xuất thông tin từ các tài liệu được viết bằng các ngôn ngữ khác nhau trong lĩnh vực của mình (ví dụ: để đưa vào một bài thuyết trình).</p> <p>Có thể nhận ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa cách diễn đạt các khái niệm trong các ngôn ngữ khác nhau, để phân biệt giữa cách sử dụng hoàn toàn giống nhau của cùng một từ gốc và các từ đồng dạng khác nghĩa.</p> <p>Có thể sử dụng kiến thức về các cấu trúc ngữ pháp tương phản và các cách diễn đạt chức năng của ngôn ngữ trong vốn từ đa ngôn ngữ của mình để hỗ trợ khả năng hiểu.</p>
<b>BẬC 2</b>	<p>Có thể hiểu các thông báo bằng giọng nói ngắn, được phát âm rõ ràng bằng cách đối chiếu những gì mình hiểu được từ các phiên bản có sẵn bằng các ngôn ngữ khác nhau.</p> <p>Có thể hiểu các thông báo và hướng dẫn ngắn, rõ ràng bằng cách đối chiếu những gì mình hiểu được từ các phiên bản bằng các ngôn ngữ khác nhau.</p> <p>Có thể sử dụng song song các cảnh báo, hướng dẫn và thông tin sản phẩm bằng các ngôn ngữ khác nhau để tìm thông tin liên quan.</p>
<b>BẬC 1</b>	<p>Có thể nhận ra các từ được quốc tế sử dụng chung và các từ phổ biến trong các ngôn ngữ khác nhau (ví dụ: Haus/hus/house) để:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Suy ra ý nghĩa của các dấu hiệu và thông báo đơn giản;</li> <li>- Xác định thông điệp có thể xảy ra của một văn bản viết ngắn, đơn giản;</li> <li>- Có thể giao tiếp xã hội một cách đơn giản và ngắn gọn khi nói thật chậm, rõ ràng và có sự hiện diện của người nghe/người nói đó;</li> </ul>

	- Suy luận những gì mọi người đang cố gắng nói trực tiếp, miễn là họ nói rất chậm và rõ ràng, lặp lại nếu cần thiết.
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

### 7.3 Xây dựng vốn kiến thức đa ngữ

<b>XÂY DỰNG VỐN KIẾN THỨC ĐA NGỮ</b>	
<b>BẬC 6</b>	<p>Có thể tương tác về các chủ đề trừu tượng và chuyên ngành trong bối cảnh đa ngữ bằng cách chuyển linh hoạt giữa các thứ tiếng trong vốn kiến thức đa ngữ của mình, và khi cần thiết thì có thể giải thích được nội dung bằng các thứ tiếng đó.</p> <p>Có thể tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa các phép ẩn dụ và các biện pháp tu từ trong các ngôn ngữ thuộc vốn kiến thức đa ngữ của mình, nhằm tạo hiệu quả tu từ hoặc để giải trí.</p>
<b>BẬC 5</b>	<p>Có thể chuyển đổi linh hoạt giữa các ngôn ngữ nhằm thúc đẩy giao tiếp trong bối cảnh đa ngữ bằng cách tóm tắt và khái quát các ý kiến thảo luận và văn bản bằng nhiều ngôn ngữ thuộc vốn kiến thức đa ngữ của mình.</p> <p>Có thể tham gia hiệu quả vào một cuộc hội thoại bằng hai hoặc nhiều ngôn ngữ trong vốn kiến thức đa ngữ của mình, điều chỉnh theo những thay đổi của ngôn ngữ và đáp ứng nhu cầu cũng như kỹ năng ngôn ngữ của người đối thoại.</p> <p>Có thể sử dụng và giải thích các thuật ngữ chuyên ngành từ các ngôn ngữ trong vốn kiến thức đa ngữ của mình mà người đối thoại quen thuộc hơn, giúp các bên hiểu nhau hơn khi thảo luận về các chủ đề trừu tượng và chuyên ngành.</p> <p>Có thể hỏi đáp một cách tự nhiên và linh hoạt bằng ngôn ngữ phù hợp khi người khác chuyển sang dùng ngôn ngữ khác cũng trong vốn kiến thức đa ngữ của mình.</p> <p>Có thể giúp người khác hiểu và có thể thảo luận về một văn bản nói hoặc viết bằng một ngôn ngữ bằng cách giải thích, tóm tắt, làm rõ và mở rộng văn bản đó bằng một ngôn ngữ khác trong vốn kiến thức đa ngữ của mình. Có thể luân phiên giữa các ngôn ngữ một cách linh hoạt để tạo điều kiện giao tiếp trong ngữ cảnh đa ngôn ngữ, tóm tắt và</p>

	<p>chú giải các ngôn ngữ khác nhau trong các đóng góp đa ngôn ngữ của mình cho cuộc thảo luận và các văn bản được đề cập đến.</p> <p>Có thể tham gia hiệu quả vào một cuộc hội thoại bằng hai hoặc nhiều ngôn ngữ trong vốn đa ngôn ngữ của mình, điều chỉnh theo những thay đổi của ngôn ngữ và đáp ứng nhu cầu cũng như kỹ năng ngôn ngữ của người đối thoại.</p> <p>Có thể sử dụng và giải thích các thuật ngữ chuyên ngành từ các ngôn ngữ khác trong vốn đa ngôn ngữ của mình, quen thuộc hơn với người đối thoại, nhằm nâng cao hiểu biết khi thảo luận về các chủ đề trừu tượng và chuyên ngành.</p> <p>Có thể trả lời một cách tự nhiên và linh hoạt bằng ngôn ngữ thích hợp khi người khác chuyển sang ngôn ngữ khác trong vốn đa ngôn ngữ của mình.</p>
<b>BẬC 4</b>	<p>Có thể nhận ra mức độ phù hợp của việc sử dụng linh hoạt các ngôn ngữ khác nhau trong vốn kiến thức đa ngữ của mình trong một tình huống cụ thể, nhằm tăng hiệu quả giao tiếp.</p> <p>Có thể chuyển đổi hiệu quả giữa các ngôn ngữ trong vốn kiến thức đa ngữ của mình để tạo điều kiện dễ hiểu giữa các bên không có ngôn ngữ chung.</p> <p>Có thể sử dụng một cách diễn đạt từ một ngôn ngữ khác trong vốn kiến thức đa ngữ của mình, đặc biệt phù hợp với tình huống/khái niệm đang được thảo luận, và giải thích cách diễn đạt cho người đối thoại khi cần thiết.</p> <p>Có thể chuyển đổi giữa các ngôn ngữ trong vốn kiến thức đa ngữ của mình để truyền đạt thông tin chuyên ngành trong lĩnh vực quan tâm cho những người đối thoại khác nhau.</p> <p>Có thể sử dụng các ngôn ngữ khác nhau trong vốn kiến thức đa ngữ của mình trong quá trình tương tác để làm rõ bản chất công việc, các bước làm chính, các quyết định cần đưa ra, và các kết quả dự kiến.</p> <p>Có thể sử dụng các ngôn ngữ khác nhau trong vốn kiến thức đa ngữ của mình để khuyến khích người khác sử dụng ngôn ngữ mà họ cảm thấy thoải mái hơn.</p>
<b>BẬC 3</b>	<p>Có thể khai thác một cách sáng tạo vốn từ hạn chế bằng các ngôn ngữ khác nhau trong vốn từ đa ngôn ngữ của mình trong bối cảnh hàng</p>

	ngày, để xử lý các tình huống bất ngờ.
<b>BẬC 2</b>	<p>Có thể huy động vốn từ hạn chế trong các ngôn ngữ của mình để giải thích một vấn đề, yêu cầu giúp đỡ hoặc làm rõ thông tin.</p> <p>Có thể sử dụng các từ và cụm từ từ các ngôn ngữ khác nhau trong vốn từ vựng đa ngôn ngữ của mình để thực hiện một giao dịch hoặc trao đổi thông tin đơn giản, thiết thực.</p> <p>Có thể sử dụng một từ của ngôn ngữ khác trong vốn từ vựng đa ngôn ngữ của mình để hiểu được bản thân trong một tình huống thông thường hàng ngày, khi họ không thể nghĩ ra cách diễn đạt phù hợp bằng ngôn ngữ đang được nói.</p>
<b>BẬC 1</b>	Có thể sử dụng một vốn từ rất hạn chế bằng các ngôn ngữ khác nhau để thực hiện một giao dịch hàng ngày rất cơ bản, cụ thể, với người đối thoại.
<b>Tiền Bậc 1</b>	<i>Không có đặc tả.</i>

